

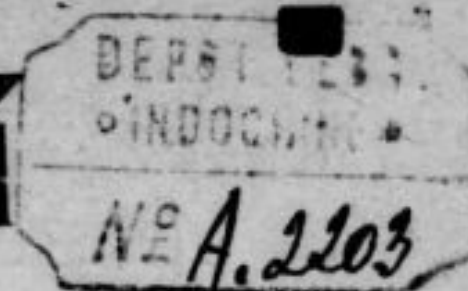
Năm thứ hai - số 24

1^{er} Septembre 1933



VĂN-HỌC

TẠP CHÍ



CƠ QUAN CHUYÊN KHẢO, CỨU, BẢN
SOẠN, GIẢNG-GIAI VỀ QUỐC-VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^{er} VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

- | | |
|---|-----|
| 1 — Một nhà văn-hào Ấn-Độ : Rabindranath Tagore | 187 |
| 2 — Thi thoại : thơ nghèo và thơ ăn xin | 190 |
| 3 — Những sự sai lầm trong chuyện Kiều : cách bỏ cứu | 194 |
| 4 — Dịch Pháp-văn : le livre (quyển sách), la rose (hoa hồng) | 198 |
| 5 — Văn thơ : cổ và kim | 200 |
| 6 — Bỏ khuyết bài « thơ mới » của ông Chát-Hằng :
thơ mới tức là từ-khúc | 203 |
| 7 — Dịch Hán-văn : bài phú Hậu Xích-Bích | 209 |
| 8 — Văn kỹ thuật : những nỗi dọc đường | 211 |
| 9 — Chuyện vui | 215 |
| 10 — Con mắt quan sát cảnh vật với nhà họa sĩ và thi sĩ | 216 |
| 11 — Giới thiệu sách báo | 218 |
| 12 — Ta nên thận trọng đối với thơ văn của người xưa | 219 |
| 13 — Những truyện lý thú : cũng nhờ đôi câu đối | 221 |
| 14 — Hoa-lư kết nghĩa (lịch - sử tiểu thuyết) | 223 |
| 15 — Mũi tên độc (tiểu-thuyết đường rừng) | 227 |
| 16 — Tự học tiếng Quan Thoại | 231 |

KỶ NÀY CÓ ẢNH BÀ BÁ-TƯỚC DE NOAILLES

CHỦ - BÚT: Dương Bá-Trạc — CHỦ - NHIỆM: Dương-Tự-Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số : 0\$15

MỚI TÁI BẢN

Lectures annamites
choisies & expliquées

cours

Moyens & Supérieur

QUỐC-VĂN SƠ-HỌC

ĐỘC - BẢN

Dùng ở lớp Trung-đẳng và Cao-đẳng các trường Pháp-Việt

■ DƯƠNG - BÁ - TRẠC và NGUYỄN - ĐỨC - PHONG ■

■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ biên tập ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■

SÁCH NÀY ĐÃ ĐƯỢC
HỘI - ĐỒNG DUYỆT
SÁCH NHẬN CHO
DÙNG TRONG CÁC
HỌC - ĐƯỜNG Ở
KHẮP ĐÔNG - PHÁP

Sách soạn theo phương pháp các độc - bản bằng chữ Pháp, gồm những bài về văn chương cổ và kim (từ, phú, thi, ca, văn sách, kinh nghĩa, kịch và tuồng...) về luân - lý, địa - dư, lịch - sử, vệ - sinh và khoa - học thường - thức, bài nào cũng có phụ những mục dẫn bài, mục giải nghĩa rất kỹ lưỡng, mục câu hỏi về ý tưởng và lời văn

Nhiều ông giáo, bà giáo ở khắp ba kỳ đã hoan nghênh và công nhận là một cuốn sách tập đọc độc nhất để cho các học sinh luyện tập quốc-văn và thâu thái phổ-thông trí thức, rất thích hợp với chương trình nhà nước.

Sách khổ 15×21 , dày 230 trang.

Vì muốn cho học trò nam nữ được dùng quyển sách thực tốt này, nên giá bán về lần in thứ nhất là 0\$65 một quyển.

Nay chỉ bán 0\$45 thôi.

Cước recommandé 0\$22 — Cước thường 0\$12



Những bà giáo, ông giáo có lòng chiều cố muốn mua cho học trò mình, dùng thì cứ 12 quyển xin biểu thêm 1 quyển mà tiền cước phí về phần người bán sách chịu



Mua một quyển gửi bằng timbres postes cũng được cho : Đông - Tây ấn - quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi nhớ cộng thêm cả tiền cước gửi sách vào.

國
文
初
學
讀
本

Năm thứ hai — số 24

1^{er} Septembre 1933

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ

MỘT NHÀ VĂN-HÀO ẤN-ĐỘ RABINDRANATH TAGORE

 số báo trước, các độc-giả đã được coi chân-dung Tagore liên-sinh và đã được thưởng thức bài văn « Poésie et vie moderne » của tiên sinh mà ông Chắt-Hằng đã dịch ra Việt-văn.

Nay chiều ý nhiều bạn đọc, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây cái thanh - danh và cái chí - hướng của tiên-sinh, tưởng cũng không phải là vô ích.

●
Tiên-sinh sinh ở thành Calcutta năm 1861, đến nay vừa 72 tuổi, vốn là con nhà trâm anh thế phiệt. Từ thuở nhỏ đã có khiếu làm thơ, cho nên, hồi mới 14 tuổi, tiên sinh đã nổi tiếng trong làng ngâm-vịnh. Năm 17 tuổi, tiên-sinh sang du học bên nước Anh. Học tiếng Anh thực giỏi, bao nhiêu sách của mình viết ra, đều tự dịch ra Anh-văn, nhờ thế mà châu Âu mới biết tiếng tiên-sinh, mà năm 1913, tiên-sinh mới được giải thưởng Nobel về văn-học.

Tiên-sinh có 30 bài thơ, 14 bản tuồng hát, 8 cuốn tiểu-thuyết, 10 câu truyện xưa, và nhiều bài diễn văn, đều là tác-phẩm có giá trị, người châu Âu truyền tụng nhiều lắm. Tiên-sinh lại đứng chủ-trương ba tờ tạp-chí và nhật - báo.

Năm 1900, tiên-sinh lập ra một trường đại-học tên là « Santhanikethanam », nhờ có người Hoa-kỳ giúp tiền cho nhiều, trường ấy đào tạo được nhiều bậc bác-sĩ Ấn-độ. Thanh danh tiên-sinh mỗi ngày một vang động cả hoàn-cầu, các nước Âu-Mỹ mời tiên-sinh sang diễn-thuyết luôn. Hồi qua châu Âu, vào năm 1927, tiên-sinh có diễn-thuyết về vấn-đề « Đông-phương và Tây-phương », tiên-sinh rất tán-dương phương Đông, mà chê phương Tây chỉ ham chuộng vật chất, gây ra cái mối tranh đoạt của giống nọ với giống kia. Bài diễn thuyết ấy ai cũng phục.



Tagore tiên-sinh là nhà đại-văn-hào, đại-triết-học đã đành rồi, nhưng tiên-sinh có phải là một nhà chánh trị không? Một người Pháp là Léandre Vaillat viết sách nói về tiên-sinh, có nói: « Ông lão ấy chỉ ngâm thơ, chỉ nói những truyện về con nít, về đàn bà, về tạo-hóa, thế mà là một nhà cách mạng ghê gớm lắm đó ».

Hồi năm 1920, tại nước Ấn-độ có việc cách mệnh, người Anh bắn chết mấy trăm người ở Pendjab trong một lúc, tiên-sinh lấy làm đau lòng lắm, đem trả cái huân-tước lại cho chánh - phủ Anh đã ban cho tiên-sinh và viết một bức thơ, trong có câu như vậy:

« Đồng loại tôi đương bị đau đớn một cách thâm trọng như kia, tôi nhận lấy cái huân-tước này, chẳng hóa ra không biết sĩ-nhục lắm sao? ! »



Tiên-sinh không phải là nhà chánh - trị, nhưng là nhà cách-mệnh, song không phải tiên-sinh cách-mệnh.

về mặt quốc-gia, mà cách-mệnh về mặt nhân loại. Tiên-sinh thường đề xướng cái thuyết nhân loại tương thân và vẫn thường nói: « Ta phải giải thoát cho loài người ra khỏi những đường lối mà họ đã tự vẽ quanh mình, cứu cho họ ra thoát khỏi những vòng ích-kỷ lợi thân kia . . . , chúng ta là lũ quần manh áo vải ở phương Đông, ta quyết sẽ mưu được sự tự-do cho cả nhân loại. Cái nghĩa tự do của tiên-sinh nói đó là thuộc về trí khôn và tinh thần, chứ không phải là về vật chất. Cho nên tiên-sinh nói rằng: « Cái tinh thần của mình không tự-do, thì cái tự-do về chánh-trị chưa chắc đã phải là tự-do đâu ».

Tiếc thay, cái lý thuyết của tiên-sinh cao quá, đời này là đời họ tranh dành cướp dật miếng ăn quá hơn là thú vật, thì ai còn biết nghe theo ! Hồi tiên-sinh sang Tàu, cũng vào năm 1927, tiên-sinh cứ nói mãi về tinh thần, về nhân loại, người Tàu họ đã phản nản rằng: « Nước Tàu chỉ vì không có súng to tàu lớn, đến nỗi để cho các nước ý sức mạnh mà đè nén hoài. Nên phải cầu lấy vật chất để cứu lấy sinh mệnh cho thoát ra, nay tiên-sinh cứ dạy về tinh thần mãi, liệu có hợp thời không ? ». Lấy việc cần kíp mà xét, thời nói như thế, chưa chắc đã là không nhằm, nhưng cứ xét cho cùng, cái tư tưởng của tiên-sinh thật là cao, nếu làm được ra, còn gì hơn nữa.



Than ôi ! Cái ngọn lửa văn-hóa ở phương Đông, vì cái vật chất ở phương Tây tràn sang quá, mà làm tắt đi, nay có tiên-sinh ra chân lên lại cháy, khiến cho những người ở bên kia trái đất biết rằng văn-hóa phương Đông có vẻ rực rỡ, và êm đềm sâu sắc chẳng kém gì văn-hóa của họ, đó là công của tiên-sinh. Người như tiên-sinh ta nên kính phục.

KH S. thuật

THI THOẠI

Thơ nghèo và thơ ăn xin

Còn gì thắm bằng con nhà văn hết gạo. Nhưng hết gạo cũng thế con nhà văn. Thực vậy, bữa kia có một thầy hàn sĩ, thực tình là hết gạo đã tới ba hôm. Xoay mãi cũng không sao ra một kế gì nữa, mới đành mò vào « chơi » ông huyện. Có quen đâu mà nói « vào chơi », nhưng con nhà văn vẫn có tính « tự cao » như vậy. Chẳng may vận sủi, quan ông lại không có nhà mà quan bà lại chanh chua thốc tháo đuổi « nhà thầy ». Mà có đuổi thôi đâu, quan bà lại văng cả cái nọ cái kia ra nữa. Con nhà nho bấy giờ dẫu có tức nhưng cũng không thêm nhiều nhời với đàn bà, chỉ lẳng-lặng quay trở ra. May sao, vừa đi được vài bước thì gặp ngay quan ông về, bấy giờ nhà nho mới lên tiếng phàn nàn. Quan ông liền vin ngay lấy làm đầu đề bảo làm song bài thơ ấy đi thì sẽ cấp cho tiền ăn học. Thầy hàn-sĩ đó không đợi nói hết lời, liền ứng khẩu đọc ngay rằng :

Bác mẹ sinh thành vốn tổ tông,
Ai ai cũng có chẳng ai không.
Ngoài bới phần trắng ba phần bạch,
Trong rất châu son một tấc hồng.
Ngày sáu khắc vầy màn Đồng-tử,
Đêm năm canh dựng ngọc đồ công.
Học trò hết gạo ăn mày gạo,
Cái ấy của bà để biếu ông.

Quan nghe đọc song, cả cười và dúp cho tiền ăn học, sau đó đến cử-nhân.

Ăn xin mà làm nên được bài thơ như thế thực cũng là rất hiếm. Còn như đức vua Lê Thánh-Tôn thì « chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay » mà cũng « làm thơ », cũng muốn làm « thẳng ăn xin » mới ký chữ.

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,
 Khấp hòa thiên hạ đến ăn mây;
 Hạt châu chứa cất chao ngang miệng,
 Bệ ngọc lồi từng đứng chấp tay;
 Nam bắc đông tây đều đến cửa,
 Trẻ già giai gái cũng chiềng thầy.
 Đến đâu sẵn có lâu đài đấy,
 Bốn bề thu về một túi đầy.

Tuy là thơ « thẳng ăn xin » mà rõ ra khẩu khí « vì thiên tử ».

Những thơ « ăn mây, ăn xin » như vậy, nước ta từ xưa tới nay kẻ không sao xiết. Nhưng những ông « ăn mây giả » ấy thì khó mà có giọng ăn mây. Còn ở bên Tàu, thì một đôi khi cũng gặp những bọn hành - khất làm thơ mới thực....

Ngày xưa, ở thành Kim-Lăng, ngoài cửa Thái-Bình, có người ăn mây nằm chết bên đường, quan phái đến khám, lục được trong lưng một mảnh giấy viết mấy giòng lao thảo, đọc xem thì là một bài thơ, ông Ngạc - Âm đã có dịch ra nôm, xin chép lại như đây :

Cha mẹ sinh ra vốn chẳng giàu,
 Gậy tre dạo khắp đất Thông-châu.
 Giở cơm từng sàng nghiêng trắng lặn,
 Phách hát hằng năm đập gió trâu.
 Hai gót đập giày đời bụi cát,
 Một vai gánh hết khổ xưa sau.
 Nay không ăn của khinh người nữa,
 Thôi chó bay đừng chực sửa tau (1).

(1) Chính bản chữ Hán ở bộ sách Tùy-Viên như vậy :

PHÚ TÁNH SINH LAI THỊ DÃ LƯU,
 THỦ TRÌ TRÚC TRƯỢNG QUA THÔNG CHÂU.

Nói thơ ăn xin thì bảo các văn-sĩ hay « tả khẩu » ra, chứ nói đến thơ nghèo thì thực ai cũng không còn ngò ngọn bút của nhà thi-sĩ. Mà các nhà thi-sĩ một phần đông đều thất điên bát đảo mãi trong cái cảnh nghèo. Nhưng có ở trong cái cảnh ấy thời thơ mới già. Ta hãy nghe giọng cụ Thượng Trứ « VINH CẢNH NGHÈO » :

*Chẳng phải rằng ngáy, chẳng phải dần,
Bởi vì nhà khó hóa bần-thần.*

*Mấy đời thầy kiện mà thua mẹo,
Nghĩ phận thẳng cùng phải biết thân.*

Số có bị rồi thời lại thái,

Cơ thường đông hết hẳn sang xuân.

Giời đâu riêng khó cho ta mãi,

Vinh, nhục dù ai cũng một lần.

Bài « THAN CẢNH NGHÈO » :

Vốn hễ anh hùng mới có nghèo,

Sao mà ta lại trải trăm chiều?

Trái mùa nghiệp cũ không nên bỏ,

Ế chợ nghề nhà cũng phải theo.

Những giữ miếng đà không muốn nói,

Làm sao bụng lại cứ thường trêu.

Suy ra mới biết rằng hay, dở,

Kể trước như ta đáng cũng nhiều.

Lại bài dưới đây nữa toàn là văn cụ làm từ lúc còn hàn-vi, cho nên cái khí nhất uất bất bình thường thấy bày cả ra ngoài và chỗ cụ tự mệnh :

*Hai mươi năm lẻ những mơ màng,
Cuộc thế xem qua đã chán chương.*

PHẠM LAM HƯƠNG HIỂU NGHINH TÀ NGUYỆT,

CA BẢN LÂM PHONG XƯƠNG VĂN THƯ.

LƯỠNG KHƯỚC LẠP PHIÊN TRẦN THẾ LỘ,

NHỨT KIÊN TẠ TẬN CỔ KIM SẦU.

NHI KIM BẤT THỌ TA LAI THỰC,

THÔN KHUYỀN HÀ TỰ PHÊ KHẢ HƯU.

Lúc đạt chẳng qua nhờ vận mệnh,
 Khi cùng chớ cậy có văn-chương ;
 Nghèo thì cũng rắp tìm nghề khác,
 Vốn tính đã quen giữ nét ương .
 Hễ chuyện rủi may thì chẳng trách,
 Khéo dư nước mắt khóc giàu sang.

Tuy nghèo vậy song cụ không dư nước mắt khóc giàu khóc sang bao giờ mà cụ cũng chỉ tin là nghèo có độ thôi. Đất có tuần, nhân có vận, chứ « giới đầu riêng khó cho ta mãi » nên cụ vẫn thường bảo : « Tiền gạo của giới chung, trống trải thế mới lọt vòng khuyên-sáo ; Công danh đường đất rộng, kèn cựa chi cho bận chi tang-bồng ». Nên chi tuy cụ có ở trong cảnh nghèo mà cụ vẫn « VUI CẢNH NGHÈO » :

Bần tiện song le tính vốn lành,
 Gặp sao hay vậy dám đành hanh.
 Phiếm đàn aip sách là nghề cũ,
 Quạt gió đèn trăng ấy của riêng.
 Nhân nghĩa tước trời thì phải giữ,
 Lợi danh đường nhục cũng nên khinh,
 Tin xuân đã có cành mai đó.
 Chẳng lịch song mà cũng biết giêng.

Trong nhà nghèo đến nổi tết đến cũng vẫn như ngày thường, xuân sang cũng không có gì là đậm-dột. Có khác một cái là cành mai bông nở trắng thì mới biết là xuân, mà đã biết xuân đến thì không đợi dùng lịch cũng biết được tháng giêng tới. Câu này có nơi chép là « Chênh lệnh như mà cũng chẳng chênh ».

(còn nữa)

Tràng-Kiều

LÊ-TÀI-PHÚNG



MỘT Ý KIẾN

NHỮNG CHỖ SAI LẦM TRONG CHUYỆN KIỀU CÁCH BỔ CỨU

Bùi-Tiến-Rĩnh



Phàm đã gọi là văn-chương cổ thì văn-chương nước nào cũng có chỗ sai lầm hoặc khuy-khuyết. Duy người ta cần thận thì những chỗ khuy-khuyết hoặc sai lầm ít mà mình cầu-thả nên những chỗ ấy nhiều. Ở nước ta chuyện Kiều mới có độ hơn một trăm năm nay, tuy sao đi chép lại cũng lắm, mà in đi khắc lại cũng nhiều nhưng cũng chưa sánh kịp với những văn cổ nước ngoài; thế mà xem đến một quyển Kiều nôm lắm chỗ lầm lẫn tẻ; tôi xin thí dụ và tìm cách bổ cứu.

Trong câu « ... lối vào Thiên-thai » thì chữ « lối » lại viết 路 không sao đọc được nữa. Ta vẫn thường dùng cái nét « cá cá 𠂔 » để viết tắt cũng như chữ idème của tây, đại khái trong những chữ « trùng trùng điệp điệp 重 𠂔 疊 𠂔 ». Theo như cách ấy thì chữ « lối » có thể viết tắt 𠂔 được (hai cái « cá cá » thay hai chữ « thạch 石 ») Thế mà người đã viết ra tưởng hai cái « cá cá » là chữ « 火 hỏa » viết tắt (𠂔) như trong chữ « 然 nhiên » nghĩa là đốt.

Trong câu « ... ra sàm sỡ chẳng », chữ « sàm 譏 » viết tắt là 譏 cũng dùng « cá cá » thì người thợ viết 譏, phảng phất như chữ « mậu 謬 » cho « cá cá » làm ba nét phẩy.

Trong câu « gió mây âu hãn tan tành nước non », chữ « hãn » dùng chữ « hãn 罕 », người thợ viết ra, chữ « không 空 ». Đây không phải bản in mờ mất đuôi cái phẩy, vì chữ « tan » viết tít lên, nhưng chắc bản trước mờ mất đuôi phẩy.

Câu « ... giả được nghĩa chàng ... », chữ « được » dùng chữ « đặc 特 » thì viết là chữ « thị 恃 ».

Trong câu « ... về già hết duyên ... » thì chữ « duyên 緣 » viết ra chữ « lục 錄 ».

Trong câu « ... lụy vào hai thân », chữ « lụy 累 » viết ra chữ « quả 果 ». Tôi xem một bản cũ hơn thấy viết « lụy » thiếu nét (累), chắc chữ « quả » cũng do chữ thiếu nét ấy, mà chữ thiếu nét ấy do một bản trước nữa sút mất nét chữ « lụy ».

Những chữ nhầm như thế nhiều lắm, không kể xiết được, mà tuy chữ nhầm nào xét ra cũng có duyên do riêng của chữ ấy cả, nhưng tóm lại là người viết chỉ biết viết thôi, không biết đọc, mà có đọc được thì cũng đọc thuộc lòng, không biết suy từng chữ, mà phần nhiều chữ « chữ tác 作 » đánh ra chữ « tộ 胙 » chữ « ngộ 遇 » đánh ra chữ « quá 過 », và « úc úc hồ văn tai 郁 郁 乎 文 哉 » (1) thì đánh ra « đô đô bình trượng ngã 都 都 平 丈 我 ».

Công-nghệ và thương-mại của ta trước cầu-thả mà không chịu bỏ nhiều vốn một chút để làm cho cẩn thận : thuê người thông-thái viết thì mất nhiều tiền, cho nên cứ tìm những người chỉ viết chữ đứng đắn là được và cũng không chịu thuê người kiểm soát lại nữa.

Sự cầu-thả ấy để cái rắc rối cho ta ngày nay rất nhiều. Có lắm người cãi chỗ nọ phải, chỗ kia không phải, chắc cũng do ở đây. Thế mà biết đâu rằng không có chỗ nhầm mà sự ngẫu-nhiên nó làm cho xuôi nghĩa.

Tôi đã so sánh một quyền Kiều nôm rất cũ mất cả đầu đuôi không thấy niên hiệu với một quyền khắc năm Khải-Định cửu niên. Tôi suy ra quyền mới chép quyền cũ, quyền cũ đã có lắm chỗ lầm, mà quyền mới

1) Rực rực sao ! có vẻ thay ! Đức Khổng khen đức nhà Châu thị nh.

lại càng quá. « Tam sao thất bản » là thế. Xem như vậy thì quyền nào càng cổ bao nhiêu thì càng tốt hơn.

Những tập Kiều quốc - ngữ đã xuất bản ngày nay vị tất đã do ở những quyền Kiều nôm thật cổ, mà những quyền cổ ngày nay thực hiếm. Tôi đã xem bài tựa tập Kiều dịch ra thơ tây của ông R. Crayssac, trong bài tựa ấy, ông nói rằng lúc ông đương dịch tập Kiều có một đoạn ông đọc lên không thấy xuôi nghĩa, ông mới hỏi ông Trần trọng-Kim, ông Kim bèn dở quyền Kiều của ông có ra, thì chỉ khác có một chữ, mà chữ khác trong quyền của ông làm xuôi ngay nghĩa một đoạn Kiều. Chắc đoạn Kiều ấy là đoạn này :

*Gã kia đại nết chơi bời,
Mà con người ấy ra người đong đưa.*

Tôi xem mấy bản nôm chữ « gã » cũng viết là chữ « 𢆉 𢆉 » cả, thì thật không xuôi.

Vậy quyền Kiều mà ông Kim, — theo ý ông Crayssac, — là một « người chủ sung sướng » (le propriétaire heureux) thì chắc là một quyền cổ.

Quyền Kiều cổ như thế hoặc cổ hơn nữa may ra trong dân gian cũng hãy còn, nhưng chỉ sợ không biết trưng cầu sớm thì không bao lâu nữa tuyệt mất chẳng ?

Tôi thiết tưởng bây giờ muốn bổ cứu một tập văn hay của nước Nam như chuyện Kiều cho được đích xác, thì không gì bằng các nhà tai mắt trong nước được quốc dân xưa nay vẫn tín nhiệm họp sức nhau lại đăng báo trưng cầu lấy những quyền Kiều rất cổ ; như thế thì người hữu tâm với đời ai cũng sẵn lòng đăng nạp, mà những người như ông Kim chỉ một tiếng là sẽ sể sự « sung sướng » riêng với quốc dân ngay ; muốn rộng hơn nữa thì chỉ một chút thù lao khuyến khích là sẽ chạy công việc, không những là sưu tầm lấy những quyền sách mà thôi, lại nên sưu tầm lấy người nữa. vì trong dân gian thường có người rất thuộc Kiều, có

người đọc ngược được, ta tìm lấy những ông già sáu, bảy mươi tuổi như thế thì rất tốt.

Tài liệu đã thu được nhiều rồi thì đem ra đối chiếu với nhau. Chỗ nào suy ra thực lầm lỗi thì ta bỏ đi. Đoạn nào trong hai, ba bản khác nhau thì ta chọn bản nào hay hơn cả, còn những bản khác ta chưa xuống dưới,— có lẽ những chỗ khác nhau ấy phần nhiều là lúc tái bản còn sinh thời cụ Tiên-Điền, cụ có sửa lại và bản trước vẫn lưu hành cũng nên. Chỗ nào ngờ ta cũng phải chú thích.

Làm như thế thì ta sẽ được một tập Kiều rất đích xác, tuy vị tất đã thật được hoàn toàn, nhưng về sau không tập nào sánh kịp vậy.

BÙI-TIẾN-RINH



DỊCH PHÁP VĂN

Le livre

Voici, à ce que l'on raconte ce qui serait passé entre deux nègres, dont l'un savait lire et l'autre ne le savait pas. « Que regardes-tu dans ce papier ? » demandait-l'ignorant. — « Oh ! si tu savais, répondit le lecteur, comme cela est amusant ! Il y a là des personnes qui parlent ; on entend avec les yeux ». Pour un nègre, la définition n'était pas mauvaise, beaucoup de blancs pourraient s'en faire honneur.

Ce nègre en effet, a compris ce que c'est qu'un livre.

Si je demandais la définition d'un livre, j'embarrasserais bien des gens. On sait que c'est un assemblage de feuilles de papier sur lequel on a imprimé des caractères ; mais ce qui constitue véritablement un livre, on ne le sait pas, faute de réflexion.

Un livre est une voix qu'on entend, une voix qui nous parle ; c'est la pensée vivante d'une personne séparée de vous par l'espace ou le temps, c'est une âme.

Les livres réunis dans

Quyển sách

Người ta nói truyện có hai người hắc - chủng, một người không biết chữ hỏi người biết rằng : « Anh xem gì ở trong tờ giấy ấy thế ? » Người đọc sách trả lời rằng : « Chà, anh không biết, vui quá ! Đây có người nói truyện mà mình thời nghe bằng mắt ». Người mọi đến cắt nghĩa được như thế thì đã khá, người giống trắng phổng giăng được thế có thể tự coi là danh giá.

Thật thế, anh hắc này hiểu rõ quyển sách là gì.

Già phổng tôi hỏi thế nào là quyển sách thì lắm người cũng lúng túng đấy ! Ai chẳng biết chẳng qua là một tập giấy có in chữ mà thôi, đến cái cốt yếu của quyển sách thì không biết là vì không chịu nghĩ.

Quyển sách là nhờ nói mình nghe thấy, nhờ nói với mình, là cái tư tưởng phảng phất của người cách mình đường xa ngày dài, là cái linh hồn vậy.

Nếu mình biết lấy trí khôn

une bibliothèque, si nous les voyions avec les yeux l'esprit, représenteraient pour nous, les grandes intelligences de tous les pays et de tous les siècles, qui sont là pour nous parler, nous instruire et nous consoler. C'est là, remarquez-le bien, la seule chose qui dure ; les hommes passent, les monuments tombent en ruines ; ce qui reste ; ce qui survit, c'est la pensée humaine. On m'a dit que Molière était mort ; je n'en crois rien ; Est-ce qu'il ne parle plus sous le masque d'Alceste ? M^{me} de Sévigné prétend-on, est enterrée depuis 1696 ; ce n'est pas vrai ; hier encore je l'ai entendue qui grondait sa fille. Je la connais, comme je connais M^{me} de Grignan, M^{me} de La Fayette et tous ses amis. Tout cela vit et je vis avec eux.

E. LABOULAYE

LA ROSE

**Mignonne, allons voir si la rose,
Qui, ce matin, avait déclose.**

**Sa robe de pourpre au soleil,
A point perdu cette vesprée.**

**Les plis de sa robe pourprée,
Et son teint au vôtre pareil.**

RONSARD (1524-1585)

xem xét những sách vở ở tủ mình, thì những sách ấy tức là các bậc hiền triết các xứ, các đời, ở đó mà nói truyện với ta, mà giãi bày ta, mà khuyên giải ta. Ấy đấy anh thử ngẫm mà xem chỉ có tư tưởng là còn mãi, còn người thì thác đi, lâu dài thì đồ nát. Người ta nói rằng ông Molière mất rồi, thực có phải đâu ? Chẳng phải ông ấy vẫn đóng vai Alceste mà hát là gì ? Người ta lại nói rằng bà de Sévigné đã mất năm 1696, thật có phải đâu ? Mới ngày hôm qua tôi còn nghe thấy bà ấy mắng con gái kia mà ? Tôi quen biết bà ấy cũng như quen biết bà Grignan và bà de la Fayette và các thân bằng cố hữu người. Các bậc ấy hình như hỡi còn mà tôi vẫn được tiếp.

HOÀNG-CƠ-ĐÌNH
Tri-huyện

HOA HỒNG

Mỹ nhân lẳng lẳng mà trông,
Đẹp thay nọ đoá hoa hồng sớm
hôm.

Bóng ô thăm thăm trên dóm,
Nọ trăm cánh thăm ai nom
chẳng tinh.

Đến chiều cánh héo hết sinh,
Hoa kia sánh với xuân xanh
khác gì.

P. L.

VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

KHÓC BẠN

Sống 'chẳng' vui thì thác hẳn vui,
Vui cùng giời đất biết bao thôi;
Suối vàng là chốn người thiên - cồ,
Dầu có ăn-năn sự đã rồi.
Phật cũng nổi chìm trong bể khổ,
Tiên còn vợ vằn chốn trần ai.
Chót vì mang lấy hình da thịt,
Trăm mạnh nghìn khôn cũng chịu giời.
Mô đất thử xem bia trước mắt,
Vườn đào há kể chuyện ngoài môi.
Trăm năm ai cũng như ai cả,
Trước gió trong mây lần bóng người.
Thác trước ấy là yên phận trước,
Sống thừa tôi lại ngán cho tôi.
Đau lưng mỗi gối dầy dà lắm,
Có thấu chẳng, này chúng bạn ơi.

VÔ DANH THỊ

Tràng Kiều LÊ-TÀI-PHÚNG

sao lục



Những câu đối của cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ

I. VIẾNG QUAN B. H.

[Vi quan này mất tại chức, nhà nước cắt mấy đội lính đưa về quê]

Cũng đã về vang thay, chết xuống chả qua trò bổ lão,
Nghe đồn lừng lẫy lắm, đưa về phỗng độ mấy con-ma (1).

1) Con ma bởi tiếng compagnie, ta thường nói con-ma-nhi lính.

II.— MỪNG NGƯỜI LÀNG LÊN LÃO 70

Ông mới hay : hay tửu hay tắm, hay nước trè đặc,
hay nằm ngủ trưa, tuổi đã bảy mươi mà khỏe nhỉ,

Nhà cũng có : có bầu có bạn, có ván cơm sôi, có nồi
cơm nếp, rượu bày một tiệc mới vui thay.

* * *

III.— TỰ VINH

Đường công danh ngoài bảy mươi tuổi rồi, dù che, ngựa
cưỡi, ăn trắng mặc trơn, biết thế là vinh, đem thân về
chốn điền viên, dõ dõ hay hay, đã có non xanh cùng
nước biếc,

Nhờ giờ đất sống dăm mươi năm nữa, đầu bạc, răng
long, mắt lòa, chân chậm, lấy gì làm thú, ngảnh mặt xem cơ
tạo hóa, lên lên, xuống xuống, bao giờ bề đục nổi cồn dâu.

NGUYỄN-KHẮC-HỒNG

sao lục



VĂN THƠ KIM

TỰ THUẬT

(Cổ khúc)

Ngồi mà nghĩ cảnh nghèo thật sướng,
Thú thanh nhàn không vương chút lợi danh.

Kìa mặc ai đòi các tranh vanh,
Cứ đứng đỉnh túp nhà danh cũng thú.
Trên án tuyết một vài pho sách cũ,
Dưới chi hồ giả giả lũ thanh niên.

Khi thơ thánh, khi cò tiên,
Hơi men pha lẫn tiếng huyền năm cung.

Kìa gió núi, nọ giăng sông,
Kho vô tận biết dùng bao cho hết.

Can chi mà bôn su cho mệt,
Cảnh giàu sang như hột đóa phù - dung.

Xem như ai nhất thế chi hùng,
 Tỉnh giấc mộng tay không nào có cóc.
 Người chả thấy ở đời biết bao kẻ cười người khóc.
 Chẳng qua là chen chúc đám lợi danh.
 Lấy thân hình làm cái hi sinh,
 Đề bầu xé tranh dành cho thỏa chí.
 Nháy con mắt gang tay nào mấy tí,
 Bộ đồ tuồng trút lại cũng như nhau.
 Thà hoặc-lê thanh đạm bát canh rau,
 Thì phú quý công hầu coi cũng tục.
 Giữ kỳ đặc vạn mãn tiền bốn tâu, nhất sinh hoàn thị bực,
 Hạt nhược giáo quần đệ tử, phong thanh thiên cổ tác chi sử.
 Người vô tri trông thấy cũng ngẩn ngơ.

HỒNG-CHÂU



BẢN NỮ THÂN

Ngồi buồn nhớ chuyện đêm qua,
 Phòng không lạnh lẽo, đèn tà bắt hiu.
 Nỗi riêng ngùi ngẫm trăm chiều,
 Biết ai mà ngỏ đôi điều thấp cao.
 Một mình thơ thần ra vào,
 Sự đời càng nghĩ càng ngao ngán lòng.
 Thương thay chút phận má hồng,
 Nỗi chìm mấy độ bình bông bao phen.
 Giọt mưa sá quản thân hèn,
 Những mong giây cát được len cành tùng.
 Bấm gan quyết đợi anh hùng,
 Bỏ công trang điểm phỉ lòng ước ao.
 Mà cho thiên hạ trông vào,
 Nỗi chìm âu mặc lúc nào rủi may.
 Mặc ai cây gỏi khoe hay,
 Khóa buồng xuân quyết đợi ngày đào non.
 Quản chi miệng thế thiệt hơn,
 Gan vàng khôn chuyển, lòng son chẳng dời.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY

BỔ KHUYẾT BÀI « THƠ MỚI »
CỦA ÔNG CHẤT-HẰNG

THƠ MỚI TỨC LÀ TÙ-KHÚC

Văn-Học Tạp-Chi số 22 ra ngày 1-8-33, có bài của ông Chất-Hằng nói về « Thơ mới ». Cứ theo thiện ý, thì về sự « cũ » của lối thơ « mới », ông nói chưa được đến gốc rễ, nên xin có bài bổ-khuyết như sau :

Ông Chất-Hằng nói rằng ông Phan-Khôi chẳng phải là người đã có cái sáng kiến làm thơ quốc-văn theo lối tây, mà chính là ông Nguyễn-văn-Vĩnh. Chẳng biết rằng hai ông có định theo tây không, song dầu có dụng ý như kia, lối thơ mà bây giờ người ta cho là theo tây vốn đã cũ, cũ lắm, cũ lắm lắm rồi, cũ hơn ông Chất-Hằng đã tưởng vậy.

Kể ra thì trong bài « Con ve và con kiến »; cái lạ ở nơi cách bắt vần : cách này cũng hai câu một vần với nhau, đến hai câu khác lại vần khác, có giống như lối vần « liên tiếp » (*rimes suivies*) của tây. Ấy, cũng vì cái giống ấy mà chúng ta tưởng lầm rằng cách bắt vần này mới lắm. Song kỳ thực trong văn Tàu nó đã có từ lâu, nó đã cũ, tôi nói cũ để khỏi nói xưa đó thôi.

Thì cứ xem bản dịch Tỳ-Bà của Tản-Đà thư-diễm, cũng đã thấy cách bắt vần ấy rồi, mà bản dịch Tỳ-bà của Cao-Đông-Gia ở tận đời Nguyên. Đây xin trích mấy vần :

THÂM-HOÀ (đọc) :

Bác chẳng thấy năm ngoài quan nghề Bui ?

Ngã ngựa đứt bằng một bên đùi.

Lại chẳng thấy năm trước quan đốc Phùng,

Ngã ngựa vệt hẳn một bên móng ?

Ở đời có ba sự rất sợ,

Chở đồ, đánh đu cùng cười ngựa.

.

lại điệu từ « BỒ-TÁT-MAN » dịch đăng ở Nam-Phong :

*Bảng lảng non ràng cảnh mình diết,
Mây in mái tóc, thân pha tuyết.
 Ủ - dột nét mày ngài,
 Điểm trang cùng với ai ?
Cảnh hoa lồng trong kính,
Mắt hoa cùng lấp lánh.
Mới mẻ bức la - nhu,
Đôi chim ai thêu thùa ?*

cùng điệu « MỘC-LAN-HOA »

*Đàn ai tiêu sái,
Khiến khách giang-hồ tình ái ngại ;
Lơ-lửng trăng sân,
Bóng mình mình ngỡ bóng giai-nhân.*

chẳng phải là bắt vần như bài dịch của ông Vĩnh ru ?

Tôi còn nhớ như bài « Khóc Lâm-Tứ-Nương » đăng ở tạp-chí này, nguyên Hán-văn cũng bắt vần như thế.

Vậy thì cách vần ở bài « Tình già » cũ lắm lắm chứ có cũ vừa đâu ! — Ông Chất - Hăng lại rõ thật là sơ ý. Ông không thấy rằng bài ông Vĩnh cùng bài cổ - thể thứ hai mà ông chép ở đoạn sau bài là giống nhau lắm ru ? Bài trên là một bài ngũ ngôn : cái lạ chắc không ở đó, mà ở cách bắt vần, song cách bắt vần lại giống bài dưới mất, nghĩa là người ta đã làm rồi, thì còn gì là sáng-kiến nữa đâu ! Họa chẳng chỉ còn ở mấy chữ « suốt mùa hè ».

Từ trên tới đây, đó là tỏ một phần cũ của bài thơ ông Phan. Trước khi nói đến phần cũ khác của nó, ta hãy thử xem vì sao cách bắt vần « liên tiếp » nó đã có từ lâu rồi, mà người ta lại ít làm tới, cho đến bây giờ người ta ngộ nhận rằng nó là « tân thời ». Ấy cũng vì nó không hay gì cho lắm, không êm ái bằng cách bắt vần như thơ Đường vậy. Ấy nó cũng sắp vào vòng « đào thải » rồi.

* *

Ông Chắt-Hằng chép bài « Tình già » sai với nguyên-văn, nên chỉ chú đến cách bắt vần, mà không biết đến cái tự do của nó. Như thế, những người đã « lại đem cái vấn đề thơ mới ấy đặt lên thảm xanh » chắc sẽ không khỏi nói qua nói lại. Vậy xin thay ông chép lại mấy câu thơ gốc của « lối mới », rồi chỉ một chỗ « cũ » khác của nó, mà chỗ này quan hệ hơn :

*Hai mươi bốn năm xưa,
 Một đêm vừa gió lại vừa mưa,
 Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
 Đôi cái đầu xanh, kề nhau thân thở,
 Ôi ! đôi ta tình thương nhau thì vẫn nặng,
 Mà lấy nhau hẵn đã không nặng ;
 Để đến nỗi tình trước phụ sau,
 Chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau.
*

Đọc bài ấy rồi, đọc - giả đọc bài này :

*Lá liễu xanh,
 Hoa hồng đỏ.
 Trăng rạng tỏ,
 Thấp thoáng trong màn ai to nhỏ,
 Ai to nhỏ ?
 Vườn xuân cỏ cây tươi tốt,
 Khi xuân đầm ấm dương hòa.
 Đan diu cùng ai lời thề thốt,
 Hẹn dưới hoa.*

Ở trên bài đây, ta nếu thử đề rằng « Thơ mới », mà gửi cho mấy tờ báo vẫn chắc rằng lối « thơ Phan-Khôi » là mới, họ sẽ đăng ngay. Vì nó có theo luật lệ gì đâu, người ta cũng tự do đặt nó ra, nó là thơ « mới » vậy. Nhưng nó « mới » từ độ mười năm nay ; trong *Hữu-Thanh* khi xưa ; tôi đã thấy trích ở trong bài nói về từ - khúc của ông Nguyễn Ứng. Nó là từ - khúc vậy. Từ-khúc lúc ấy rất thịnh trọng thi ca. Ấy là một lối

thơ tự do, nhưng « tự do » ở trong « giới hạn » âm nhạc câu thơ, tự do phải đường.

Khi vừa mới xem bài Tình già ở P. N. T. V. tôi đã bảo với một người bạn rằng đó là từ - khúc.

— « Thế anh nói vì lẽ gì ? » Người bạn hỏi tôi thế. Từ khúc in như có điệu nhất định, như Nhất tiễn mai, Phá tề trận đấy chứ !

— ... Cách-phổ-liên, Bộ - bộ - thiêm, Hoa-phong-lạc..., nhiều lắm, không kể hết được. Song cũng có điệu tự mình đặt ra. Đây, anh nghe bài này, (tôi đọc bài trên) Lại bài này nữa.

MỐI TÌNH NGẦM

Anh đi đâu ?

Em ở nhà.

Em ngại con đường xa,

Em khóc dưới bóng trăng tà,

Lã chã hạt châu xa.

Anh đi mau mau về,

Em giữ lời thề,

Em xin ông trăng già đừng rẽ đôi ta.

Bắc Nam xa cách san hà,

Giòng sông thả lá, đề thơ giải phiền.

(TRẦN QU. THƯỜNG H. T.)

Ở trên hai bài ấy, người ta vẫn đề hai chữ từ - khúc mà bảo đó là thơ mới có được không nào !

— Thơ mới cứ hai chữ một vần. Lại rộng đến cả số chữ trong một câu, như *Ôi! đôi ta tình thương nhau thì vẫn nặng* (9 chữ), *ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng* (9 chữ). Từ - khúc không bắt vần như kia, mà cũng không rộng khổ như vậy.

— Đã gọi rằng tự do thì tôi có thể làm thơ mới mà bắt nhiều câu một vần, hay có câu thơ không vần, như từ - khúc ; mà làm từ khúc, tôi cũng có thể bắt vần

« liên tiếp » chứ ! Ai đã đặt ra lẽ lối nhất định đâu !
 Cùng tự do với nhau cả đó mà ! Ở bài « Mỗi tình ngẫm »
 câu « Em xin ông trăng già đừng rẽ đôi ta » (9 chữ), lại
 trong những bài « ca » nghĩa là những bài từ mà giải,
 nhiều câu khổ cũng rất rộng, như :

.
 Nào đón chào người khách sau,
 Rồi cứ thế mà kéo mãi :
 Ngày này tháng khác, hoa xuân trắng thâu,
 Cho đến bạc đầu.
 Ôi ! hồng-lâu ! hồng-lâu !
 Không giây, không nợ, không sóng, không gió, mà giăng
 [nhau, buộc nhau, chìm nhau, đắm nhau,
 Vào nơi hang thẳm, vào chốn vực sâu.

.
 (GIÓ DẬP SÓNG VUI)

Đến chính điệu từ thì như ta chưa đặt ra điệu nào
 rộng khổ ; song nhiều điệu cũ, khổ câu cũng rộng lắm,
 như điệu « Bắc-giang mai - lệnh », đoạn sau điệu « Cách
 phổ - liên » :

Thôi thì ba canh mượn chén rượu tam tiêu sầu,
 Tiêu sầu có rượu, uống suốt ba canh,
 Rượu tàn, gan héo !
 điệu « Hương la đài » trong truyện Tỳ-bà :
 Cắt tóc để lo ma,
 Tủi phận đàn bà,
 Muốn cắt tóc chưa đành, giọt lệ sa.
 Nghĩ sao chẳng từ xưa cắt sớm đem thân nhờ cửa phật,
 Làm sư làm tiểu một đời qua.
 Tóc ơi ! hỡi tóc !
 Như ai trâm ngọc lược ngà,
 Ta thời phải cắt may đem bán để lo ma.

(M. N. ĐOÀN-TU-THUẬT dịch)

Nếu anh bảo là điệu nhất định, thì trước khi nhất
 định, người ta vẫn tự do mà đặt nó ra, có khác gì

lối thơ mới kia đâu ! Cho nên tôi bảo chắc rằng « thơ mới » chỉ là từ - khúc . .

Đó là những lời tôi với người bạn cãi nhau. Vì một tính lười, nên mãi đến nay mới nối sau ông Chất-Hằng mà nói một cách muộn màng. Song cũng nhân cái muộn màng đây, mà ta thấy cái tư cách « mắt nhắm mắt mở » của đôi tờ báo chí, cứ nhận một lối thơ đã cũ rích là tân tạo, rồi cứ nêu lên hai chữ thơ mới rõ là to.

Về sự hay dở của hai lối thơ, bài này chưa kịp bàn đến, mà xin hẹn đọc - giả ở một kỳ nào khác. Sau bài này, chỉ xin thành thực những ai muốn làm, muốn đăng, muốn cổ - động cho lối thơ từ - khúc, chớ bảo là « mới » nữa mà làm to. Lại cũng nghiệm thấy rằng ông Phan-Khôi, một nhà nho chuộng mới, cái ấy không phải là không hay, — thực đã quá chuộng mới mà bị cái ánh sáng của cái mới làm cho hoa mắt, nên có phần hấp tấp không xét đến những cái cũ, để đến nỗi có điều ngộ nhận to tày đình. Ta tự phụ rằng ta có công với quốc-văn khi ta bắt đầu viết văn xuôi, song trước ta đã có người viết : ta tự phụ rằng ta đã có công với quốc-văn khi ta bắt đầu làm thơ « mới », xong trước ta đã có người làm. Ôi ! muốn xưng lên một điều gì cho trẻ-trung, thật là khó lắm thay ! Ta không có thể hàm-hồ mà được vậy !

THƯƠNG-SƠN

Trước hết xin cảm ơn ông Thương-Sơn, về những điều bổ-khuyết trên này.

Nếu ai cũng biết bảo cho nhau những cái khuyết-diểm mà người này thấy ở người nọ như ông Thương-Sơn thì trường văn - mặc tất có vẻ khả quan. Sau xin nói đề ông Thương-Sơn và các bạn đọc biết cho rằng chủ ý của tôi trong bài « thơ mới » và hai bài sau (V. H. T. C. số 23) không phải khảo cứu về lối thơ mới mà chỉ là nhân cái phong trào thơ mới mà đem trình lại với dư-luận cái cách đổi mới cho thơ về tinh thần mà tôi đã có lần đề xướng ở một tờ báo khác.

Dẫu sao, tôi cũng rất vui lòng được nghe lời biện-nạn của ông Thương-Sơn.

CHẤT-HẰNG

BÀI PHÚ HẬU XÍCH-BÍCH

SƠN - M AI

Tiểu-dẫn.— Khi ông Tô-Thức bị biếm ra Hàng-Châu thì ngụ ở đình Lâm-Cao. Sau làm nhà ở Đông-Pha. Nhân làm nhà gặp khi tuyết xuống mới về tuyết vào bốn bức tường và đặt tên là Tuyết-Đường. Từ Tuyết-đường ra đình Lâm-Cao, đường đi qua đầm Hoàng-Nê.

Lần này là lần thứ hai trong năm Nhâm-tuất mà Tô-Tử cùng bạn ra chơi Xích-Bích.

= × =

Cùng năm ấy (1), giữa tháng mười,
Dậm hòe lững thững từ nơi Tuyết-đường.
Lâm-Cao đình cũ lần sang,
Vội hai người khách qua đường Hoàng-Nê.
Cây khô, lá rụng, xương che,
Trên cao giăng tỏ, người đi bóng lờ.
Nghêu ngao vui thú non sông,
Tiệc không sẵn rượu, để cùng khách say.
Lại không hoa quả đưa cay,
Giăng trong gió mát đêm nay hỏ hoài.
Khách khoe vừa lúc tối giờ,
Cá mè lọt vó giống loài Tùng-Giang.
Nhỏ vầy rộng miệng khác thường,
Chỉ hiềm nổi rượu nhờ nhàng tìm dầu.
Ta về hỏi vợ tình sao,
Đáp rằng: « tôi cất đã lâu một vò.
Đề phòng khi thiếu không lo ».
Nghe xong, rượu cá vội cho xuống thuyền.
Thuận giòng Xích-Bích băng miền,
Nước sông cuộn cuộn bờ nghìn thước xa.
Non cao, chèo nhỏ gương nga,
Sóng phơi đá trắng, vào ra dưới giòng.

1) Năm Nhâm-Tuất.

Vết xưa thay đổi núi sông,
 Tháng ngày chưa mấy nhân trông khác nhiều.
 Ta liền sốc áo bước chèo,
 Đá non lổm chổm, cây leo rậm cành.
 Cưỡi rồng tựa hồ đi quanh,
 Tay vin tổ cắt, ngọn xanh lưng giới.
 Phùng-Di (1) nhìn thăm cung đài,
 Theo ta bọn khách hai người dừng chân.
 Minh ta đối cảnh tàn ngần,
 Hét to một tiếng xa gần chuyển vang.
 Cỏ cây hang núi tung bừng,
 Gió reo nước cuốn cảnh càng buồn tanh.
 Trông ra không khỏi rùng mình,
 Đứng lâu thêm ngại cũng đành về thôi.
 Xuống thuyền gác mái thả xuôi,
 Đi, không cũng mặc cho trôi giữa giòng.
 Phương trời bát ngát xa trông,
 Bồng đầu chiếc hạc phía đông bay về.
 Cánh tròn to tựa bánh xe,
 Xiêm đen áo trắng tiếng nghe rõ ràng.
 Non tây thẳng cánh bay sang,
 Bay qua thuyền đâu, thuận đường ngang sông.
 Lên bờ chủ khách về cùng,
 Trong mơ, đạo-sĩ nhác trông một người.
 Lâm-Cao lần bước giao chơi,
 Áo lông phấp phới tới nơi chào mừng.
 Rằng: « Chơi Xích-Bích vui chăng? »
 Ta nghe vội hỏi cho tường tính danh.
 Nghe nhời hỏi cứ làm thinh,
 Thôi thôi ta biết rành rành chẳng sai.
 Đêm qua kêu liệng bên ngoài,
 Phải người chẳng đó còn ai nữa mà.
 Mím cười, đạo - sĩ nhìn ta,
 Thúc rồi mở cửa trông ra thấy gì.

SƠN-MAI

 1) Thủy - thần.

Những nỗi dọc đường

LÊ - TRỌNG - BẬT

Một ngày kia, tôi cùng người bạn đồng - nghiệp từ Vinh ra cửa hữu quay về tây thẳng lên Sa-nam, là huyện lỵ huyện Nam-Đàn. Bóng chiều vừa xế ngang vai, ngọn gió nam cùng đã hiu hiu bớt dần. Đối với khách cung-các, đối với lũ lúp lén dưới bóng lâu đài thì khi trời đã có phần mát mẻ, đủ bổ dưỡng lại cái sức hao tổn vì ngọn nắng thiêu đốt kia. Song đối với khách bộ hành thì ánh nắng như có ý nghiệt hơn, mà nhất là người bộ hành đi về phương tây thì bóng mặt trời lại dọi ngay vào mặt mà ngọn gió nam-huân kia thấy một lâu một vắng Ngót ba giờ đồng hồ đi qua hai cánh đồng lớn, dưới đá, trên nắng, chẳng gặp một gốc cây, một nóc quán nào. Thỉnh thoảng quay lại thấy mấy cái xe cao-xu đương hí hịch giữa con đường cát bụi theo sau. Các xe lần lượt ngang qua,

anh em trông thấy mấy người phu xe đương trượng hết bắp thịt nắm sát trên hai cái tay xe, mỗi bước mỗi thở, người ướt như tắm, mặt đỏ như xông, xem người đã nhòai mà không dám nghỉ bước. Trên xe kia ngồi mấy người to tướng nghèo ngao tự đắc mình là văn minh tiên tiến, mình là xã hội thượng lưu, thỉnh thoảng lại dơ ba-tông lên, hay xâu cái mũi dày mỏ vịt vào đít người kéo xe mà dục đã bảo « mau mau kéo hết giờ ». Mới nghe anh em tưởng là vua Hạ-Võ tái sinh. Sau lại nghe thấy hát bài quốc - ca nước Pháp, thì anh em lại đặt mình tỉnh ngộ, lại mơ màng hình dạng ông Lư-Thoa. Nhưng còn lắm to ! Ông Lư-Thoa là người đã đề xướng ra nhân-đạo, bác-ái, bốn phần năm nhân loại trong thế giới còn nhờ chút tư tưởng hào hiệp của ông mà bớt khổ, bớt

đau ; nay có lẽ nào lại nhân tâm mà ngồi trông con ngựa người Việt-Nam cho đành. Thôi đã không phải Tàu cũng chẳng phải Tây, quả là nhân vật mới của Việt - Nam vậy. Vẫn biết khắp cõi Đông-dương, cách vận tải còn đương khiếm khuyết, chưa thể bỏ hẳn xe tay như ở các nước văn-minh được, nhưng xin ai hồi chút từ tâm, may cuộc đời ở đây còn được chút ý vị.

Đi lại nghỉ, nghỉ rồi lại đi ; đến Sa-nam, bóng chiều vừa xế non đoài, anh em lật đật thuê đò lên Thanh-Chương. Nhưng anh em chẳng phải là quan, tiền trong túi cũng chẳng được bao, thế đã không, mà tiền cũng kém, nên chắt vật thuê một cái đò, đến tối đen vẫn không xong. Bỗng nghe có tiếng ồn ào dưới một cái đò to tướng, chở toàn thùng gỗ từ mũi đến lái, hỏi ra mới biết là đò rượu của công-ti lên Thanh Chương. Anh em nghe mừng bội phần, rón rén đến chuyện trò cùng người cai áp-tải, ngỏ ý xin theo. Người cai thấy anh em

khiêm nhã, vui vẻ cho liền. Đò vừa ra khỏi bến, sáu người quần nâu áo cụt nằm sát lên trên mũi sào mà chống ở trước, sau một người đàn bà tay ru con tay bế ải, mắt nhìn chòng chọc mấy bãi cát mấy gành đá vô tình. Khi qua khúc sông nào bằng thẳng ít quanh co thì tiếng bè tiếng thò nghe nhẹ mà giọng hát hò mới nổi lên. Giọng hát đây không phải là những giọng véo von cười hoa cợt nguyệt như của các cô nhà đò ở sông Hương, nhưng có vẻ đặc sắc riêng. Có giọng hùng - hào cảm-khải như mấy trai Việt - Nam muốn thổ lộ tâm tình với giang-sơn cố-quốc. Đò vừa qua trước đền vua Mai hắc-Đế, thì nghe giọng hát như tiếng dân Annam trong lúc thuộc Đường đô-hộ đương kêu gào với vì cứu quốc anh hùng ; qua thành Lục-Liên, giọng hát lại như giọng hăm hét của thủy - quân đức Bình-định-Vương từ Trà-Long kéo xuống. Khi lại nghe như giọng ngâm vịnh của dật-sĩ Nguyễn. Tiếp từ trên đỉnh núi kia đưa lại. Gặp lúc mây âm

trắng mờ thì nghe ra như oán như sầu, như bên tai vắng vắng những lời oán ức của hai vị danh tướng Đặng - Tất, Nguyễn - cảnh - Chân từ dưới lòng sông Lam-Giang vùn vụt bay lên vậy. Qua đến núi Kê-Nhiệm sức nhớ đến câu sấm khẩu truyền từ mấy mươi đời ở đâu đâu : « *Bò-đái thất thanh, Nam - đàn sinh thánh* » liền ra ngắm xem, thấy giòng sông bọc núi, bóng núi rợp sông, lại thêm gành đá gồ - ghề làm cho nước chảy cuộn tròn, mặt nước xanh ngắt như chàm. Vì thế mà sông này gọi là Lam-Giang cũng có lẽ. Đò đi lên, núi Kê-nhiệm ở bờ bên tả đột ngột như một cái trường thành thiên tạo. Tục gọi là núi Trăm nghĩa là trăm chóp, nhưng thử đếm thì chưa biết mấy trăm. Chính giữa núi có một cái khe từ trên chóp chảy xuống. Giữa cảnh núi xanh nước biếc, thấy một đường lóng lánh từ giữa lưng trời thông xuống hình như vị thiên thần to tướng nào cầm một cái như ý có hào quang ngồi trên mấy đỉnh núi đương ngắm

cuộc hành động của chúng ta vậy. Giữa lúc đêm khuya thanh vắng, lắng tai nghe có tiếng nước chảy róc rách xa xa. Theo lời người xứ này thì từ mười năm về trước, tiếng nước chảy ồ ồ đi xa đến 2, 3 cây số còn được nghe, nay đã dần dần cầm rồi. Nghe nói, tôi cùng bạn tôi ngồi nghĩ mãi Theo tục truyền thì hề tiếng khe tắc, là ở huyện Nam-Đàn có thánh - nhân hiển, nay khe đã tắc, anh em đã được thấy được nghe, còn thánh nhân là ai tung tích đâu đâu sao thấy vắng ? Nhưng thôi ta hãy đi ngủ đã, trần ai, ai dễ biết ai, con mắt thịt hồ đã dễ thấy thánh ; thánh như Khổng-Tử, như Gia-Tô mà đương thời biết bao nhiêu người cho là cuồng là dại !

Đò đi độ bốn giờ đồng hồ bỗng nghe tiếng thày cai thét nạt, tiếng phu van rầm rĩ, nào «đò khách» nào «cai Vạn bắt phu». Ký-giả thức giậy ra trông, thấy đường xa độ 20 chiếc đò quây quần lên bờ sông, tắt đèn tối lửa ngủ sát rập không nghe tăm tiếng gì. Đò rượt đến gần, thày cai thét càng to, nào

« cai Vạn đầu », nào « đầu là đò cai Vạn ». Không thấy giả lời, thầy nổi giận nhảy ngay ra trước mũi rút roi đánh phu bảo áp đò đến đò cai Vạn. Mấy người phu miệng kêu, tay chống, áp tận đến bên một chiếc khá to, thấy trong đó có một người độ năm mươi tuổi đương luống cuống bịt khăn, khoác cái áo đen ra chào. Thầy cai đương cơn giận, chào lại luôn mấy roi, rồi nhảy sang mấy đò kia bắt lấy bắt để không kể con gái đàn bà, cốt đủ số phu. Bấy giờ tiếng người nhao nhao như chợ : nào người già cả vì con đi vắng mà phải thuê người thay, nào người trai trẻ kêu nài sao việc quan mới sáng nay, giờ đã đến lượt ? nào tiếng trẻ con vang khóc vì các bà mẹ đã phải dứt vú ở miệng con ra mà gánh việc quan thay chồng. Tiếng ồn ào vang khắp cả mặt sông như một làng nào đêm khuya bị lũ còn đồ kéo đến tàn phá vậy ! Khi số phu bắt đã đủ, thầy cai gọi sáu người phu trước ra phát cho mỗi người phu năm xu lên bộ trở lại. Hỏi ra thì mấy người phu ấy từ sáu giờ chiều chèo

chống luôn tay đến hơn một giờ sáng, nay lại phải kéo nhau bằng núi qua rừng đến sáng chưa chắc đã đến nhà mà chỉ được bấy nhiêu tiền công. Đáng thương thay nhưng xem ra ai nấy không chút phàn nàn chỉ biết mình đã hết sức can đảm gánh xong một việc nặng nề với đời này vậy.

Đi được một đoạn, không may đò trượt ngay lên trên một cái cồn cát, bọn phu lại phải cõi trần lội xuống nước, nào kéo, nào đẩy, hò hào trót nửa đồng hồ mới ra khỏi. Nhớ trong khi đò mắc cạn, bao nhiêu phu đều nhảy xuống sông, có một người nhớn tuổi hơn cả bắt mấy câu hò để phu theo nhịp mà đẩy. Hò rằng :

*Kiếp sau xin chớ hóa người.
Hóa cây thông đứng giữa trời reo
chơi. Hề, hề, hề.*

*Kiếp người Nam-Việt xin thôi,
Kiếp người làng Vạn ai ôi xin
chừa. Hề, hề, hề.*

Mấy câu ấy làm cho ký-giả chửa chan ái ngại, mãi đến khi mới lên khỏi đò về đến nhà mà vẫn còn văng vẳng bên tai, chắc cũng không khi nào quên được.

Lạng công LÊ-TRỌNG-BẬT
(Đ. P. T. B.)

CHUYỆN VUI



Tôi đối rồi ạ

Ông Bach-Cur-Di là tác-giả bài Tỳ-Bà, hẳn các bạn làng văn chẳng ai là không biết tiếng,

Khi ông mới 7 tuổi, một hôm có khách đến chơi, hỏi đã biết làm câu đối chưa, ông trả lời rằng biết. Khách bèn ra câu đối:

« Tào-Tử-Kiên đi bảy bước nghĩ được bài thơ ».

Ông đứng yên lúc lâu, không nói gì cả. Khách hỏi:

— Cậu không đối được à?

— Thưa ông tôi đã đối rồi ạ.

— Tôi chưa thấy cậu đọc mà.

— Tào-Tử-Kiên đi bảy bước nghĩ được bài thơ », đối với « Bach-Cur-Di đứng một lúc không xong câu đối » là hay lắm rồi, còn đọc gì nữa. (L. T. T. V)

●
Ai bảo thích tiếng nước ngoài

Ngày kia, thi-sĩ Tagore đang ngồi viết, có một chàng thanh-niên Ấn-độ mới

đỗ văn-khoa tiến-sĩ ở Luân-dôn (Londres) về ghé thăm cụ. Chàng mới bước vào đã vọt miệng: « Good morning, Mr. Rabindranath, how do you do? May I speak some minutes with you? » (Kính chào cụ Rabindranath, cụ mạnh giỏi chớ? Tôi có được phép hầu chuyện với cụ trong ít phút không?)

Thi-sĩ Tagore cầm đầu cần viết, ra dáng ngờ ngẩn nhìn chàng thanh-niên ấy một hồi lâu rồi nói bằng tiếng Tamoul như vậy: « Này cậu, chẳng hay cậu là Ăng-Lê thoa đen, hay dân Ấn mà vong bản? » Cậu thanh-niên ta nghe lời ấy giật mình, cúi đầu trước thi-sĩ mà đáp rằng: « Thưa cụ, cháu tưởng đâu cụ là nhà tân-học giỏi tiếng Ăng-Lê, danh vang thế-giới, nào hay cụ cùng người Ấn độ cứ một lòng, một mực nói tiếng nước nhà và lo bồi bổ tiếng nước nhà Cháu lỡ dại, xin cụ rộng lòng tha-thứ! ».

Hy-KIỂM (V. D.)

Con mắt quan sát cảnh vật với nhà họa-sĩ và thi-sĩ

Xem trong tạp-chí « *Conférencie* » thấy có lục-đăng một bài diễn thuyết của nhà đại văn-hào Pháp ở hiện-đại là Paul Géraudy đọc ở Paris nói về những cảnh tượng của đời mới ngày nay : thơ (Les aspects de la vie moderne: des vers). Trong bài diễn văn, trước khi dẫn nhiều bài thơ của diễn - giả vào, Paul Géraudy có kể một chuyện làm gương cho nghề thi họa — mỹ thuật như sau, nghe rất lý thú.

« Một ông vua Tàu, có lẽ ở đời trung - cổ, muốn có một bức tranh vẽ con cua cho tuyệt đẹp tuyệt giống để treo trong phòng ngủ của ngài, bèn xuống chỉ truyền đòi hết thấy những tay danh-họa đương thời ở khắp trong nước về triều.

« Sau khi các ông thợ vẽ đến họp đông đủ, ông con Trời lựa một tay hội họa nhà nghề đã từng có tiếng mà ủy-thác cái công trình mỹ - thuật « vẽ cua » kia.

Nhà danh họa lãnh mệnh về nhà. Không phải như ai nấy đều tưởng là hạ bút vẽ liền, mà anh ta lại đem bút mực và giấy cùng tẩy, ra bờ biển mà ngồi rồi chú ý quan sát một con cua, mỗi cách cử động của nó thay đổi, nhà danh họa đều phóng bút phác họa theo cả. Ngày này qua ngày khác, tháng nọ đến tháng kia, nhà danh-họa vẫn làm như vậy mãi, cho đến những tập giấy vẽ phác đầy chất đầy cả một phòng.

« Mãn một năm trời, nhà vua cho đòi nhà danh họa mà hỏi bức « tranh cua » đã vẽ xong chưa. Nhà danh họa tâu rằng mình đương bận luôn về cái công trình ấy, nhưng chưa xong còn phải dụng công một ít lâu nữa.

« Ba năm sau, nhà vua thấy lâu quá lại truyền đòi « ông thợ vẽ chậm như rùa » đến mà hỏi « con cua ». Nhà danh-họa tâu rằng bức

tranh đã vẽ xong. Ngó đi ngó lại, nhà danh họa vẫn hai tay không, nhà vua phát cáu: xong rồi, sao người không mang đến? Nhà danh họa liền nói cùng thị-vệ xin một nghiên mực, một quản bút, một tờ giấy, rồi một cách mau mắn, có lẽ hơn Cống Quỳnh vẽ dun, nhà danh họa quạch quạch lia vài nét đã thành một con cua giống hệt, đẹp khéo tuyệt vời và trông rất linh hoạt như con cua thật nằm trên giấy vậy. Nhà vua trông thấy bức tranh vui vẻ lắm.

Kết luận, Paul Géraudy cho rằng, tuy là nghề vẽ, nhưng đó cũng là một cái gương cho nhà thi-sĩ đời nay. Ý ông nói về thi nghệ bây giờ, công dụng và thời gian không thể rất dài mà rất ngắn, rất chậm và rất nhanh, rất đơn sơ và rất tuyệt xảo như sự vẽ của

ấy được. Thơ của chúng ta ngày nay đã đành không thể như « con cua » ấy, nhưng chính là tay danh-họa Tàu kia mà chúng ta muốn bắt chước vậy.

Các nhà thi sĩ ta đã thấy chưa? Thơ cũng như vẽ: thơ là vẽ bằng lời. Vậy ta phải dụng công quan sát mà tả ra cho đúng y với cảnh chớ. Hễ đúng hệt với « cảnh thật » tức là hay đó. Chớ không có « giọt mưa tầm tã », mà nói « giọt mưa tầm tã », không có « tiếng nhận kêu sương » mà nói « tiếng nhận kêu sương », không có « tuyết phủ cảnh mai » mà nói « tuyết phủ cảnh mai », sai xa với cảnh thật, hèn gì thơ các ông không thành ra vô vị!

NHU-TÂM MÃO-LANG

(T. L.)

KÍNH CÁO

Ông Nguyễn-tiến-Lãng, trợ-bút của bản-chí cần hai số *An-nam Tạp-chí* số 28 và số 29 năm 1932. — Ai có thể gửi cho được, ông rất cảm tạ và sẽ gửi sách tặng. Xin gửi tạp-chí đến cho ông ở tòa Kiểm duyệt, phủ Thống-sứ Hà-Nội, hay gửi thẳng đến tòa báo Văn-Học cũng được.



Cliché Annam Nouveau

Ảnh bà bá - tước **De Noailles**, một nhà đại thi-hào Pháp
(Xem bài nói về phu-nhân đăng trong V. H. T. C. số 21)



Giới thiệu sách, báo

Bản-chí được tin rằng : Tờ tạp-chí « *Văn-Học Tuần-San* » đến 1er Septembre này bắt đầu xuất bản ở Huế, số nhà 37, phố Đông-Ba.

Xin có lời chào mừng bạn Đồng-nghiep mới và cầu chúc cho bạn được trường thọ.

Chúng tôi có tiếp được quyền *Đế-thiên Hề-thích* của cô Nguyễn-Thị Phương-Huê, tổng thư-ký Phòng đọc sách ở số nhà 29 phố d'Arras, Saigon soạn. Giá bán 0\$10. Xin vui lòng giới thiệu với các bạn đọc-giả.

Ta nên thận trọng đôi với thơ văn của người xưa

Tản-Đà tiên-sinh có một bài cũng đầu đề ấy, đăng trong Văn - Học số 20, nói về sự lầm trong câu Kiều :

*Thăm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn giòng lá thăm, rút đường chim xanh.*

và bài thơ « qua Đèo Ngang » của bà huyện Thanh-quan.

Tiên-sinh nói rằng chữ « cổng » không phải, chữ « cống » mới phải. Nếu tiên-sinh bảo chữa thế là hay hơn thì tôi chịu. • Chữ tiên-sinh bảo phải như thế thì mới thực đúng ý cụ Tiên-Điền thì tôi không chịu. Nếu là chữ « cống » thì người ta viết ngay chữ « cống 貢 » hoặc kỹ hơn nữa thì viết « chấm thủy 冫 » bên (漬), hoặc « ngoã 瓦 » bên (隕), hoặc « thạch 石 » bên (碩), chữ viết « môn 門 » ngoài (關) thì chỉ là chữ « công ». Vả lại trong những tập Kiều nôm tôi đã xem thì tôi thấy người ta viết chữ « cống » có « mộc 木 » bên cả (櫓); như vậy tập Kiều Tản-Đà tiên-sinh đã đọc, tất không cùng bản với những tập tôi đã đọc, hoặc tiên-sinh không chịu mở sách ra xem, tưởng chỉ nhớ ra cũng đủ, nhưng tóm lại thì « mộc » bên hoặc « môn » cũng là « cống » cả.

Không những lần này tôi mới được nghe tiên-sinh nói về hai câu Kiều ấy mà thôi, trước tôi cũng đã nghe thấy nhiều người nói rồi, mà cũng nói như tiên-sinh rằng chính ý cụ Tiên-Điền thế. Nhưng tôi cũng xin nhắc lại rằng nếu tiên-sinh bảo chữa chữ « cống » làm chữ « cống », mới hay thì phải. Giả-sử tiên-sinh đồng thời với cụ Tiên-Điền mà nói với cụ xin sửa như thế, chắc cụ cũng chịu ngay.

Cả đến câu thơ của bà huyện Thanh-quan :

*Luyến chứa đau lòng con quốc quốc,
Thương người mỗi miệng cái gia gia.*

nếu tiên-sinh bảo nên, chữa như sau này :

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.*

thì tôi cũng xin chịu, mà chắc nếu bà huyện phục-sinh lại thì chắc bà cũng chịu.

Bài « ta nên thận trọng... » của tiên-sinh đăng đầu Văn Học số 20 thì ngay dưới có bài thi-thoại nói về một bài thơ của cụ Yên-Đồ, trong có hai câu :

*Ngựa hồng một chiếc dong tay khấu,
Chó trắng hai con đóng nhạc bầu.*

Ông Hán hay ông Hầu nào đây đổi chữ « khấu » làm chữ « bí » (nghĩa là giây cương mà lại thành ra thứ lộng ngữ đối chọi với « bầu ») ; cụ Yên-Đồ cũng phải chịu rằng giỏi. Giả-sử ông Hán hay Hầu không chữa thì ta có thể nói rằng « chính cụ Yên-Đồ cũng dùng chữ « bí » mà về sau ta nhầm » được chăng ?

Bài thi-thoại ấy chắc cụ Cử Dương không có ý đăng cốt để phản lại ý Tản-Đà tiên-sinh mà thành ra ngẫu nhiên phản vậy.

Nói đâu xa, chính tiên-sinh, hồi *Annam tạp-chí* còn ở hàng Long hay là sau độ đình bản ở đấy, tôi ngẫu nhiên được xem một tập *Tạp-chí* ấy, thấy tiên-sinh nói rằng một hôm vào chơi một nhà quen biết thấy người ta sao tập những thơ của tiên-sinh, trong một bài có đổi một chữ, tiên-sinh lấy làm phục, tiếc rằng tôi không nhớ bài ấy để nói ra đây.

Tôi thiết tưởng văn thơ của cổ-nhân thế nào nên cứ để yên như thế, đừng có thấy người ta hay quá, chỉ hơi có tý khuyết điểm, cố tìm cách biện bác để sửa cái chỗ khuyết điểm ấy đi, lấy cớ rằng chính ý cổ-nhân như vậy ; làm thế mới là biết « thận trọng thơ văn của người xưa », lại khiến cho người sau làm văn gia công cẩn thận hơn.

BÙI-TIẾN-RĨNH

NHỮNG TRUYỀN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VẦN.



CÙNG NHỜ ĐÔI CÂU ĐỐI

Ngày xưa, đang lúc sự học « Chi hồ giả giả » còn thịnh-hành, ở làng Cỗ-Am thuộc tỉnh Hai-Dương có cụ Tú mở trường dạy học. Trong số học trò có một ông, chính thực tên là gì không biết, chỉ biết biệt hiệu là Văn-Quế là người xuất sắc hơn hết. Văn bài của ông bao giờ cũng được thầy khen - ngợi. Bạn bè nhiều người mến phục. Ông không những hay chữ lại có tài làm văn thơ quốc-âm, mà sở trường nhất là môn câu đối. Một hôm thầy học ra chơi một câu rằng ; « Trai Cỗ-am học trường Cỗ-am, làm quan lớn vẻ vang thiên cổ »,

Văn-Quế ứng khẩu đối ; « Gái Hà-nội bán hàng Hà-nội, được lãi to, vô số hằng hà ».

Đem ba chữ « Gái Hà-nội » mà đối với « Trai Cỗ-Am » kẻ đã chĩnh lăm ; mà đem

bốn chữ « vô số hằng hà » để đối với bốn chữ « vẻ vang thiên cổ » thì chữ « Hà » là điệp tự ở câu dưới lại đối được với chữ « Cỗ » là điệp-tự ở câu trên thật là hay !

Ở gần trường học có một tiểu-thư, con quan phủ, tư dung diễm lệ, vừa tuổi cập kê, học trò nhiều người ngấp nghé, nhưng không ai được lọt vào mắt xanh, Văn-Quế cũng nhiều khi muốn trêu hoa ghẹo nguyệt, nhưng riêng nghĩ mình là thân hàn sĩ, cửa nhà thanh bạch, « có đầu dưa mốc giám chồi mâm son ».

Một hôm quan phủ sang chơi bên cụ Tú vào lúc đang giờ học. Cụ Tú đem mấy bài kha khá của học trò ra khoe. Quan phủ chừng đã mến tài học của Văn-Quế ; Quan quay ra đám học trò mà nói rằng ;

Nay tôi có chút gái thơ đã theo đòi được ít nhiều nghiên bút, muốn kén vai đồng-sàng có văn học, con gái tôi có ra một vẻ câu đối, nếu ai đối được nó xin nâng khăn sửa túi . . .

Cả bọn học trò đều vội nói :

— Thưa quan lớn, về câu đối ấy thế nào?

Quan phủ nói :

— Nguyên nó tên là Sen nên nó ra câu đối rằng :

*Cô Sen mặc yếm hoa sen,
đứng ở hồ sen, chờ người
quân-tử,*

Bọn học trò nghe xong ai cũng ngẩn người ra nghĩ,

còn đang bấm tay, tính chữ, lăm lăm đánh bằng, bằng, trắc, trắc, thì đã thấy Văn-Quế đứng dậy :

Bẩm quan lớn, chúng tôi xin đối :

*Cậu Quế mặc áo cánh quế,
trèo lên cung quế, bế chị Hằng
Nga.*

Đọc vừa dứt lời, cả trường đều cười rộ. quan phủ cũng tấm tắc khen hay và y lời hứa.

Văn-Quế xin với quan Phủ đề chờ khi nào công thành danh toại sẽ tính bề gia thất.

S. P. ĐÀO-TRỌNG-DIỆP
(*Cadastre PhnomPenh*)

Kính cáo đọc-giả

Bản-chí cần tìm mấy thứ báo này :

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1. Đăng cổ tùng, báo | 6. Nữ giới chung |
| 2. Nam kỳ thể thao | 7. Văn Minh |
| 3. Đồng văn tạp-chí | 8. La cloche fêlée |
| 4. Công báo | 9. Tribune indigène |
| 5. Dân báo in ở Hanoi | 10. Annam |

Trong bạn đọc-giả ai có, xin gửi cho một số, bất cứ số nào. Chúng tôi sẽ gửi biểu báo Văn-học hay một thứ sách gì,

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ giùm cho bản-chí, bản-chí sẽ viết thư thẳng đến. Đa tạ.

V. H. T. C.



HÒA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch-sử tiểu-thuyết

SOẠN-GIẢ : DƯƠNG BẢ-TRẠC

(Tiếp theo)

HỒI THỨ 7

Dương - thị sản Hoàng - nam, nghiệp vua thêm vững,
Lê - Hoàn mưu phản gián, kẻ quỷ không thành.

Năm Mậu-thân (năm 948), ngày 16 tháng 8, giờ thìn, Dương-phi sinh hạ được một vị vương tử, mặt mũi khôi-ngô, thể chất hùng vĩ, trông rõ là hõ-phụ xuất lân-nhi; Nguyên tướng quân hay được tin mừng, liền xuất các tướng tá về châu mừng thánh-tử cùng Động-chúa, hoan hô giây đất. Bà Đàm-thị tay bông cháu bé vui vẻ mừng rỡ không cùng. Đình động-chúa bầm mệnh với mẫu thân xin đặt tên là Liễn. Cách bốn hôm sau, Đình tướng-quân cũng hay được tin mừng, dẫn dò các đạo quân phòng thủ đầu đẫy, cũng thân hành về sơn-động mừng vương-tử đản sinh.

Bà Đàm-thị cùng Đình động-chúa tiếp Đình tướng-quân về, vui mừng khôn siết. Hàn-huyên đầu đẫy, bà Đàm thị truyền gọi Dương-phi bông cháu ra hầu tam-thức mời về. Đình tướng quân ngắm nghĩa vương - tử hồi lâu, sắc mặt hơn hở mà rằng :

«Trời tựa cơ nghiệp hoàng triều, khiến cho non Tản sông Lô khi thiêng chung đúc nên người hùng - kiệt, thác sinh nơi lá ngọc cành vàng. Trăm lạy nghĩa-mẫu, mừng nghĩa mẫu nay đã có kẻ chia bùi sẻ ngọt, ngậm đường vui vẻ, di dưỡng tuổi già. Trăm lạy Kha - kha, mừng Kha kha nay đã có kẻ nối dõi cơ-cưu, hăng chí hởi lòng, mở mang nghiệp lớn. Các em theo đòi chân ngựa, cũng được dự chút vinh quang, cảm kích thật không biết thế nào mà nói.

Đình động-chúa nói :

— Anh đức bạc tài thiên, nhờ có hai em giúp sức, gây được cơ nghiệp như ngày nay. Thằng Liễn đó, con anh mà là cháu em, sau này dạy dỗ phò tri, chứng rờng ấp được nên rờng, cũng là trồng cây về hiền-thức cả.

Bà Đàm-thị cũng nói :

— Trước có anh có em, sau có chú có cháu, một nhà sum hiệp trúc mai, càng sâu nghĩa bề càng giải tình sông. Mẹ nay tuổi trở về già, được trông thấy cảnh này, dù mưa gió bất kỳ, thân này có thác xuống suối vàng cũng yên lòng thỏa dạ.

Đình tướng-quân cúi đầu từ tạ nghĩa mẫu xin lui, rồi cùng Đình động-chúa cùng đi ra nhà ngoài, mời Nguyễn tướng-quân, ba anh em cùng ngồi thương nghị các việc cơ yếu.

Đình tướng-quân nói :

— Thừa hai kha-kha, nay Đình-thúc thế cùng cầu hòa, em xét họ thật bụng muốn hòa mà mình nhắm bề cũng chưa đánh tiết được họ, nên có xin với hai kha kha cho Đình-thúc giảng hòa. Nhưng Lê-Hoàn là người cơ tâm bất trắc, vẫn âm bố thế-lực ở các chỗ, chiêu binh mãi mã, không lúc nào yên ; hắn cũng có mưu tri tài lược hơn người, vẫn có ý biệt lập cơ đồ, cùng mình trống chọi ; em biết hắn cũng chẳng trung thành gì với Đình-thúc, chỉ vì tự cố vị vọng còn kém,

lợi dụng Đinh-thúc làm cái tượng thần một ngầu để hiệu lệnh nhân dân ; hấn mà lung-lạc được nhân-tâm rồi thì tất là thay ngôi Đinh-thúc mà cùng mình thì sức đuổi hươu ; phải nghĩ cách gì thu phục lấy Lê-Hoàn, thì công việc anh em mình mới xong xuôi chót lọt được.

Nguyễn tướng-quân nói :

— Tôi cũng biết thế, nên ngày được thư cầu hòa của Đinh-thúc, tôi đã nhất định xin đại kha chủ chiến, tiêu duyệt bọn nó cho kỳ được mới thôi ; nhưng vì hiền đệ lại có phục thư xin cho Đinh-thúc giảng hòa, đại-kha tin theo lời hiền-đệ mà không dụng binh nữa ; cơ hội ấy tôi vẫn còn tiếc đến giờ.

Đinh tướng-quân nói :

— Không phải, kha kha tướng cơ hội ấy là đã tiêu duyệt nổi bọn họ đấy ư ? Em há lại không muốn cho bên giường mình nằm không có người ngoài ngủ ngáy hay sao. Song, em đã tính kỹ lắm, đồng đất là đồng đất của người ta, dân trong mấy làng địa-phận Hoan-châu, xem ra còn kinh sợ cái hư danh của Đinh-thúc nhiều ; Lê-Hoàn lại khéo lung-lạc lòng người, đến ngay các làng thuộc hạt mình mà xềnh ra nó cũng quyết dụ được, hưởng chi là dân của nó thuở nay ; binh lực nó tuy đơn bạc không bằng mình, mà Lê-Hoàn có tướng tài, có dân thì có quân, qua tay tướng giỏi huấn luyện tức là quân tốt ngay, dù có khai chiến thì cũng lui đui khi được khi thua, chỉ phí ngày giờ hao tài lực mình mà thêm làm khổ cho trăm họ. Giặc mạnh còn lừa hớ cơ mà đánh được, chứ lòng dân đã kết oán thì hồ dễ mà lấy lại được sao. Em nghĩ như thế nên mới quyết kế cho Đinh-thúc giảng hòa. Xin hai kha kha hăng cứ yên tâm, phủ ủy nhân dân, luyện tập binh lính, bồi đắp lấy căn bản của mình cho thật vững vàng ; em sẽ lo dụng kế thu phục Lê-Hoàn, nếu được Lê-Hoàn rồi thì có lo gì Đinh-thúc. Hiện nay

công việc ở ngoài còn đương bối rối quá, được tin vương-tử dẫn sinh, em lật đật về mừng thánh tử cùng động-chúa, mai đây em lại xin bái biệt, việc quân cơ trọng yếu không thể chi chệ khiến duyên.

Đình động-chúa nói :

— Tình hình ở ngoài, anh cùng nhị-đệ không khi nào có am hiểu được bằng em. Anh vẫn thường nói với nhị-đệ rằng : việc ngoài sơn động nhất thiết giao phó mặc em ; em tinh sao cho được tất thành thì em cứ tiện nghi hành sự.

Đình tướng-quân dạ dạ vâng mệnh lui ra, truyền quân nhân sửa soạn hành lý lương thảo chỉnh-tề, đến tảng sáng hôm sau khởi hành trở về quân trại.

Lê-Hoàn từ lúc dụng kế trá hòa bị thua trí Đình tướng-quân, vừa căm vừa tức, ngoài tuy khuyên Đình-thúc khuất thân qui thuận Động-chúa, mà trong vẫn âm mưu mật kế, phẫn động nhân dân các làng kháng mệnh Đình tướng-quân, lại thường thường lén đi chiêu binh mãi mã trong các làng để dinh báo phục ; khi được tin Dương-thị đã sinh hạ con trai, biết Dương thị tất được Đình động chúa sủng ái hơn xưa, định dùng kế mĩ nhân để ly gián (1) Đình, Nguyễn hai tướng quân cùng Đình động chúa, bèn mật sai các người tâm phúc đi đồn phao Đình tướng-quân ở ngoài thu liễm lương thảo chứa riêng một chỗ rất nhiều và lập mấy đội thân binh, có ý gây dựng thế lực riêng của mình, nhất diện đem vàng ngọc cạy người lễ lạt Dương - thị cực hậu, thả lời nịnh hót dèm pha, nói Đình, Nguyễn hai tướng quân vẫn ra ý bỏ bạc Dương thị, không chịu giữ lễ nhân thần (2), một người cầm binh quyền ở ngoài, một người cầm binh quyền ở trong, kết đảng lộng quyền, e có ngày bắt lợi cho vương-tử. Lại gi đàn bà ưa phỉnh, vàng đỏ đen lòng. Dương-thị tham lễ hậu nghe lời dèm, cứ ngày đêm thi thót cùng Đình-động-chúa, khuyên động-chúa nên kíp thu lấy binh quyền, đừng để cho hai người được quá tự chuyên.

(Còn nữa)

1) Làm cho nghi-ngờ nhau, lia cách nhau ra.

2) Lễ phép làm tôi người.



MÚI TÊN ĐỘC

(NA THOONG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

XVII

Hay là chính Mai-Dung khi biết rõ cha mình là ai, đã nói tung ra đề La-văn-Đấu biết mà đề phòng và tìm cách trừ khử anh đi? Điều này có thể lắm. Tuy vậy, Bach-Hùng vẫn cố sức đuổi xa cái ý nghĩ ấy. Anh nhớ lại cái thái độ Mai-Dung từ khi đổi khác, anh chỉ nhận thấy ở trên nét mặt có cái vẻ thất vọng bi thương, tuyệt nhiên không có ý gì tỏ ra rằng cô đã chi tâm hại anh, hoặc cái vẻ hối hận của người đã trót làm một sự nhỡ nhàng. Cái câu nói của cô hôm nào: « không hiểu tại sao, tương lai mỗi ngày em thấy thêm nhiều sự kinh hoàng... em tuyệt

vọng lắm !... nhưng lòng em trước sau vẫn yêu anh » câu nói ấy chỉ có một nghĩa : Mai-Dung biết sự bí mật của Bach Hùng, cô lại có lắm điều phải ngờ cha mình là La-văn-Đấu, rồi lòng cô lo sợ.... Vả chăng, ít lâu nay chính anh chả vẫn lấy làm ngạc nhiên về sự thay đổi thái độ của ông Chánh? Chính anh vẫn băn khoăn nghĩ ngợi vì thấy bà Chánh đối với anh mỗi ngày một tử tế ; mà trong những sự chu chuân, anh nhận thấy một tấm lòng thương... Trước kia anh xin ra, bà Chánh hết sức giữ lại, ít lâu nay anh không dă động đến truyện ấy thì chính bà lại

thường cò ý nhắc nhỡm luôn. Chắc hẳn bà Chánh mong cho anh vô tình lánh xa chỗ hiểm nguy. Anh đi rồi thì mọi sự tai nạn sẽ tránh được cho cả hai đảng. Ấy câu truyện đã rõ ràng như thế, mà Bạch - Hùng mang nhiên không hiểu gì cả. Đến lúc này anh mới như người tỉnh cơn mơ mộng, thì than ôi! sự đã muộn rồi!

Bạch-Hùng nghĩ đến đây buồn quá gục đầu xuống. Bỗng nhiên cánh cửa mở toang, trong giây phút, ánh sáng bên ngoài tràn vào gian phòng tối. Bạch Hùng ngẩng đầu lên, anh bỗng giật mình:

— Mai-Dung!

Đầu tóc rối tung, áo sống sỏ lệch, vẻ mặt đau đớn, nước mắt đầm đìa, Mai-Dung xách cái gói nhỏ tự ngoài bước vào:

— Vâng em đây, anh Bạch Hùng!

— Cô vào đây làm gì?... Cô muốn gì tôi?... Ông Chánh sai hay tự cô vào thăm tôi?... Nếu tự cô vào đây thì cô không sợ

mang tiếng à? Tôi là một tên tù, sắp phải chết chém mà!...

— Anh oan!... oan mà không thể gỡ tội được. Vì vậy em vào đây ngỏ cùng anh một sự quyết định của em.

Cô đặt cái gói xuống sàn, chạy lại gục đầu vào vai Bạch Hùng rồi nức nở khóc.

— Anh Bạch-Hùng ơi, anh chết mất! Điều ấy ở bên ngoài người ta nói đến như một sự nhất quyết rồi. Em thương anh lắm. Khi anh ngỏ cho em biết anh sẽ bỏ động Móc để đi tìm kẻ thù, anh có nhớ rằng em đã hứa sẽ đợi chờ anh cho đến khi anh thấy mặt thù nhân và trả xong oán cũ. Bấy giờ em sẽ tùy theo cảnh ngộ của anh mà tự liệu lấy cuộc đời em. Em nói thế, nghĩa là nếu không may anh chết thì em sẽ cũng theo anh xuống tuyền-đài. Nhời hứa ấy em hãy còn nhớ. Nay anh phải chết. Thảm hơn nữa là phải chết vì... Em không còn cách gì cứu được anh, thì chỉ còn chết theo anh mà thôi....

Bach-Hùng giật mình, sẽ du Mai-Dung ra, dương mắt nhìn cô một cách ngạc nhiên và rất cảm động. Cô mỉm cười, cái cười êm ái và đẹp vô cùng :

— Thế nào, anh bằng lòng không ? Anh Bach Hùng ơi ! Ít lâu nay, anh vẫn thường lấy làm khó biểu về cái vẻ đau đớn lo sợ hiện ra trên mặt em. Ấy chính em lo cho số mệnh của anh đấy. Vì một sự tình cờ mà em biết rõ rằng cha em chính là La-văn-Đấu, kẻ thù chí tử bấy lâu anh vẫn kiếm tìm. Cha em lại biết tông tích của anh. Trời ơi, em lo cho tính mệnh anh lắm thay ! Lo mà không dám nói rõ cùng anh, sợ mắc phải cái tội phản cha, lo mà không tìm được cách gì khiến cho anh thoát hiểm một cách anh không phải nghi ngờ. Tấm lòng em đau khổ, tan nát biết chừng nào ! Có lần em đã toan chết quách cho nhẹ nợ đời. Em cùng kẻ quá phải đem truyện anh nói thật với mẹ em. Hai mẹ con đang nát óc nghĩ kế vạn toàn. Chẳng ngờ sự thể xảy ra

nhANH chóng quá, đến nỗi anh bị cảnh ngộ này. Bây giờ chỉ có mẹ em và em có thể làm chứng sự vô tội của anh. Nhưng vì nhiều lẽ bó buộc mẹ con em phải ngậm miệng cắn răng. Thôi anh ạ, ông trời đã sui khiến ra như thế thì đành như thế vậy. Hôm nay em vào đây cốt để an ủi lòng anh. Em đã hết đạo làm con. Nay em có thể sống thác với tình. Và em chết lại còn là giúp cho anh một cách báo thù lại sự oan uổng này, và để tỏ cho cha em biết rằng một tội ác dù dấu diếm khó đến đâu cũng không sao thoát khỏi sự hình - phạt.

Bach-Hùng cảm động quá, nước mắt đầm đìa. Anh nắm lấy hai tay Mai-Dung, thồn thừ nói rằng :

— Mai, em thương anh lắm ! Được một tấm lòng ấy anh dù chết cũng chẳng ân hận gì. Anh oan lắm ! Nhưng đó chẳng qua số phận sui ra . . . Em cho anh một tấm lòng yêu, đủ lắm rồi ! Anh không dám xin thêm điều gì nữa. Nhất là cái ý định của em, anh thực

không bao giờ dám nhận. Đối với ông Chánh, đối với anh, vẫn biết em sử như thế thực đã vẹn tròn Nhưng còn mẹ em nữa nào ! . . .

— Mẹ em ? Mẹ em hiện giờ đang ốm gần chết, anh ạ. Từ hôm cha em nở nhận tâm . . . Mẹ em phần giận chồng, phần thương anh, phần tủi-nhục cái duyên phận mình, nghĩ quá thành ốm. Mẹ em nhất định không cơm cháo thuốc men gì cả. Cái ý định của mẹ em thế là rõ rồi. Chỉ thương thay cho cha em, những lúc nát gan nát ruột tim kẻ hai người, cha em có ngờ đâu chính mình sắp bị giới hai !.

— Lại thế nữa ư, em ? Tội nghiệp cho ông Chánh. Người ta ở đời làm tội ác như ông Chánh, cái hình phạt nặng nhất là bị ngay vợ con mình ghê-tởm. Nỗi đau đớn của ông như thế này chả hóa còn nặng nề hơn tội ác của ông lắm ru. Ông Chánh đã giết người hai bận thật, nhưng hai tội ác ấy đều do những ý nghĩ ngu-dại bèn nhất rất đáng thương. Mai Dung ơi, chính

tôi bị đau đớn về tay ông, nhưng hiện giờ tôi sẵn lòng tha thứ cho ông biết chừng nào ! . . .

— Câu nói ấy càng tỏ ra rằng anh là người có lượng. Em đem tấm lòng trong sạch yêu anh, em thực không nhằm. Và chính thế em càng sẵn lòng hi-sinh đời em cho anh vậy.

Cái ý định tai hại ấy, em nên nghe nhời anh mà bỏ nó đi, em ạ. Vì nếu em khẳng khẳng một mực quyết chết theo anh, em làm thế em có biết rằng đối với ông Chánh, em sử một cách tàn bạo là dường nào ?

Cô Mai động lòng gục vào vai Bạch-Hùng khóc nức nở. Anh ta cũng ngâm ngùi sa lệ. Trong lòng anh khi ấy bỗng có một sự tiến-hóa mới lạ. Dưới sự tỉnh thức của cảm tình, Bạch-Hùng thấy trong lòng nảy ra một tấm thương vô cùng. Anh nhận ra rằng sự phạm tội - ác chính nó đã bao hàm một cái hình-phạt gồm ghê. Kẻ nào đã làm ác, tức là ngu-mê chưa nhận thấy điều ấy.

(Còn nữa)

TỰ HỌC TIẾNG QUAN - THOẠI

DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

第九課 (1) BÀI THỨ 9 (bài nối)

吃.	Tsi.	Ăn.
HẮT.		MANGER.
擦.	Tsà.	Chùi.
SÁT.		FROTTER.
乾淨.	Can ching.	Sạch sẽ.
CAN TĨNH.		PROPRE.
拿凉水來.	Nả liàng suối lày.	Đem nước lạnh lại đây.
NÃ LƯƠNG THỦY LAI.		APPORTEZ MOI DE L'EAU FRAICHE.
拿温水來.	Nả uẩn suối lày.	Đem nước ấm lại đây.
NÃ ÒN THỦY LAI.		APPORTEZ MOI DE L'EAU CHAUDE.
拿熟水來.	Nả giờ suối lày.	Đem nước nóng lại đây.
NÃ NHIỆT THỦY LAI.		APPORTEZ MOI DE L'EAU TRÈS CHAUDE.
拿開水來.	Nả khái suối lày.	Đem nước sôi lại đây.
NÃ KHAI THỦY LAI.		APPORTEZ MOI DE L'EAU BOUILLANTE.
拿水來洗臉.	Nả suối lày xỉ liễn.	Đem nước lại rửa mặt.
NÃ THỦY LAI TẦY LIỆM.		APPORTEZ DE L'EAU POUR LAVER LA FIGURE.

(1) Đọc là : đệ cửu khóa (tử chiu khô).

拿水來喂。 NÃ THỦY LAI HÁT.	Nả suối lày hô.	Đem nước lại uống. APPORTEZ DE L'EAU POUR BOIRE.
等一等。 ĐẲNG NHỨT ĐẲNG.	Tẳng i tắng.	Đợi một thí. ATTENDEZ UN INSTANT.
慢慢的。 MẠN MẠN ĐÍCH.	Mản mãn tí.	Hằng thông thả. LENTEMENT.
快快的。 KHOÀI KHOÀI ĐÍCH.	Khoai khoai tí.	Mau lên. VITE, DÉPÊCHEZ-VOUS.
快來。 KHOÀI LAI.	Khoai lày.	Mau lại đây. VENEZ.
飯好(得)了嗎? PHẠM HẢO (ĐẮC) LIỄU MÃ.	Phản hảo (tò) léo má?	Cơm được chưa? LE DÎNER EST-IL PRÊT?
飯好了。 PHẠM HẢO LIỄU.	Phản hảo léo.	Cơm được rồi. LE DÎNER EST PRÊT.
飯還沒好。 PHẠM HOÀN MỘT HẢO.	Phản hoàn mờ hảo.	Cơm chưa được. LE DÎNER N'EST PAS ENCORE PRÊT.
快好了。 KHOÀI HẢO LIỄU.	Khoai hảo léo.	Sắp được rồi. IL SERA PRÊT BIENTÔT.
請先生吃飯。 THỈNH TIÊN-SINH HẮT PHẠM.	Tsing siển shấn sì phản.	Mời ông soi cơm. A TABLE S'IL VOUS PLAIT. (PRIÈRE MON- SIEUR DE VENIR MANGER).
拿燈來。 NÃ ĐẲNG LAI.	Nả tắng lày.	Đem đèn lại đây. APPORTEZ - MOI UNE LAMPE.
拿蠟燭來。 NÃ LẠP CHÚC LAI.	Nả la chú lày.	Đem nến lại đây. APPORTEZ - MOI UNE BOUGIE.

把燈罩擦乾淨。
Bǎ dēng zhào sāi
CÁN TĨNH.

Pǎ táng cháo tsà
cán chĩnh.

Cầm cái thông-phong
(chụp đèn) lau
sạch sẽ.

PRENEZ LE VERRE DE
LAMPE ET NETTOYEZ
LE.

點上燈。
ĐIỂM THƯỢNG ĐĂNG.
點上蠟燭。
ĐIỂM THƯỢNG LẠP-
CHÚC.

Tiền shàng táng.

Thắp (đốt) đèn.

ALLUMEZ LA LAMPE.

Tiền shàng là-chú.

Thắp nến lên.

ALLUMEZ LA BOUGIE.

有火油沒有。
HỮU HỎA DU MỘT HỮU?
沒有。
MỘT HỮU.

Dịu hồ diu mờ diu?

Có dầu hỏa không?

Y A-T-IL DE PÉTROLE?

Mờ diu.

Không có.

NON, IL N'Y EN A PAS.

第十課 (1) BÀI THỨ 10

先生好呵?

Shiễn shấn hảo a?

Ngài được mạnh
khỏe không?

TIỀN SINH HẢO A?

COMMENT PORTEZ-VOUS?

很好.

Hấn hảo.

Mạnh lắm.

HẮN HẢO.

TRÈS BIEN.

吃了飯沒有?

Shi léo phẩn mờ diu?

Ăn cơm chưa?

HẮT LIỄU PHẠN MỘT
HỮU?

AVEZ-VOUS MANGÉ?

吃了.

Shi léo.

Ăn rồi.

HẮT LIỄU.

DÉJÀ MANGÉ.

還沒有吃.

Hoàn mờ diu shi.

Chưa ăn.

HOÀN MỘT HỮU HẮT.

PAS ENCORE MANGÉ.

你們多好呵(2)?

Ni mần tổ hảo a?

Các ông đều mạnh
khỏe cả chứ?

NHÌ MÔN ĐA HẢO A?

PORTEZ-VOUS BIEN,

VOUS TOUS?

(1) Đọc là : đệ thập khóa (tử shi khô).

(2) Ý nói : tất cả người trong nhà đều mạnh cả chứ?

都好。 ĐÒ HẢO.	Tủ hảo.	Đều mạnh cả. NOUS TOUS, NOUS NOUS PORTONS BIEN.
我說得對不對? NGÃ THUYẾT ĐẮC ĐỐI BẤT ĐỐI.	Ướ shờ tui pù tui ?	Tôi nói có đúng không? EST-CE-QUE JE PARLE CORRECTEMENT?
不對。 BẤT ĐỐI.	Pù tui.	Không đúng. CE N'EST PAS CORRECT.
請先生再說。 THỈNH TIỀN SINH TÀI THUYẾT.	Tsing shiễn shăn chải shuờ.	Xin ông nói lại. RÉPÉTEZ, S'IL VOUS PLAIT.
大聲說。 ĐẠI THANH THUYẾT.	Tả shăn shuờ.	Nói to lên. PARLEZ À HAUTE VOIX.
這個東西叫甚麼。 GIÁ CÁ ĐÔNG TÂY KHIẾU THẶM MA.	Chề cổ tổng si chẻo shăn mỗ?	Cái này gọi là cái gì? COMMENT APPELEZ- VOUS CECI?
我不懂得。 NGÃ BẤT ĐỒNG ĐẮC.	Ướ pù tủng tờ.	Tôi không biết. JE NE SAIS PAS.
我不知道。 NGÃ BẤT TRI ĐẠO.	Ướ pù chí tảo.	— id. —
我不曉得。 NGÃ BẤT HIỂU ĐẮC.	Ướ pù sẻo tờ.	Tôi không hiểu. JE NE COMPRENDS PAS.
我不明白。 NGÃ BẤT MINH BẠCH.	Ướ pù ming pái (pớ).	Tôi không rõ. JE NE SAVAIS PAS CLAIREMENT.
請先生慢一點 說。 THỈNH TIỀN SINH MẠN NHẤT ĐIỀM THUYẾT.	Tsing shiễn shăn mản i tiến shuờ.	Xin ngài nói chậm một thí. PARLEZ LENTEMENT S'IL VOUS PLAIT.
快一點念。 KHOÀI NHẤT ĐIỀM NIỆM.	Khoái i tiến niên.	Đọc nhanh một thí. LISEZ UN PEU PLUS VITE.

(Còn nữa)

Quyển A B C rất tốt đã được Hội - Đồng duyệt sách duyệt
y cho dùng trong các trường và nhà nước mua dùng.

Ấy là quyển :

QUỐC - NGỮ ĐÔNG - PHƯƠNG

của Đoàn - Như - Khuê soạn



Sách dày 20 trang, có nhiều bài tập đọc về văn
bằng riêng và văn trắc riêng, lại có mẫu chữ để
tập viết — Bìa có chữ chương và các hình vẽ
về các đường (lignes), và bề mặt (surfaces), v. v.



Bán có 0\$03 một quyển — Cước 0\$03

Gửi bằng timbres postes cho :

ĐÔNG - TÂY ÁN QUÁN

193, Phố Hàng Bông — HANOI

Mua nhiều sẽ có trừ nhiều hoa hồng (từ 20% trở lên)

hotel

TAM-KY

KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ - MÁT MẺ VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUYNH-HUÊ KÝ

Kính thuốc



Nhà **TINH - KY,**

84 - 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

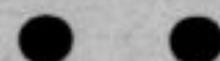
HAIPHONG



Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.



Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ



4
Muôn viết quốc văn hay, phải biết
Thành-ngữ Hán-Việt

ĐÃ XUẤT BẢN

HÁN VIỆT THÀNH NGỮ

(Lexique d'Expressions sino - annamites usuelles)
CỦA BỬU - CÂN

Sách có bài tựa của cụ
THƯỢNG - THƯ BỘ QUỐC - DÂN GIÁO - DỤC

X

13.000 thành - ngữ, đều dịch nghĩa bằng Pháp - văn, có chữ
Hán và thí - dụ trích của các thi - hào, văn - sĩ trong nước.

Sách dày 600 trang, khổ rộng (16cm X 24cm), giấy tốt.
Giá rẻ 3\$30 - Gửi tốn 0\$30.

■ Bán tại : Monsieur Bửu - Cân, Lạc - Tinh - Viên — Huế ■

== NÊN UỐNG == Chè nội hóa Đồng - Lương

Chế theo khoa-học mới — tinh vi, thanh khiết — cánh
nhỏ, nước xanh, uống vào dễ tiêu, ngủ được, làm
thân - thể được nhẹ nhàng, tinh - thần được khoan-
khoái. Có giấy nhà-nước thí-nghiệm. Nói nhiều bảo nói
ngoại, xin dùng qua sẽ rõ. Đủ các hạng Đồng - Lương,
Tiên - Mai, Chân - Thái, Vinh - Thái, Đầu - Xuân,
nào gói nhón, gói nhỏ, nào đóng hộp, đóng bao rất
tiện dùng đưa đi lễ các nơi hoặc mừng, hoặc phúng.

Tổng - Cục chế tạo tại : 125, Phố Hàng Bông — Hanoi

Các tỉnh nhón nhỏ đều có Đại - Lý

■ chè nội - hóa Đồng - Lương ■

Chủ nhân kính cáo

ĐỒNG - LƯƠNG dit PHẠM - TRÁC - ĐỒNG